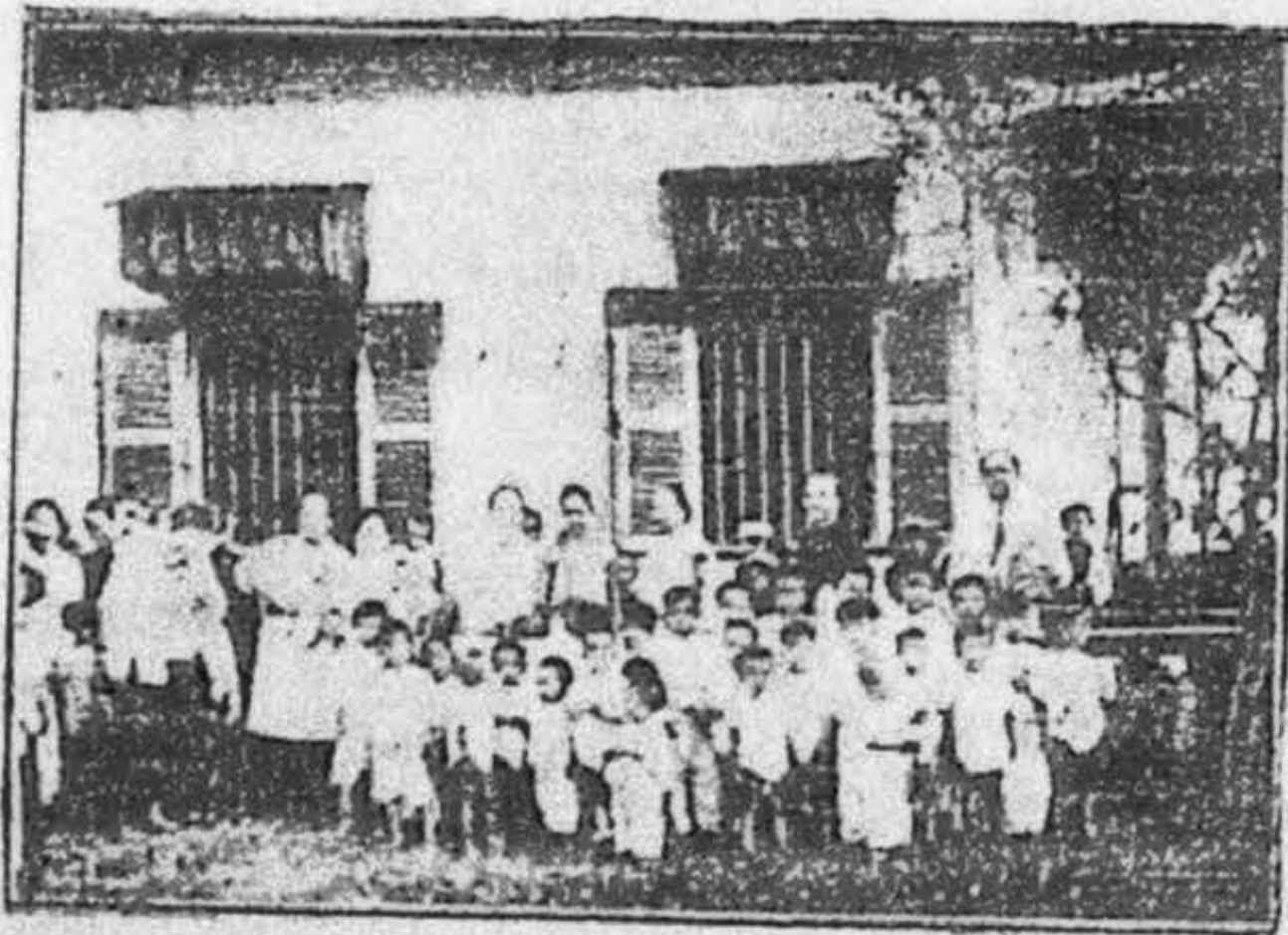


Phụ Nữ

DEPOT LEGAL
INDO-CHINE
N° A 9791

tân văn



LỄ CÂY MÙA XUÂN của Hội Dục-anh

DEPOT LEGAL
Léon
Saigon le 11

== O\$15 ==

NĂM THỨ SÁU

ngày 11 Janvier 1934

== 231 ==

VIỆT-NAM NGÂN-HÀNG

CÔNG-TY HỮU-HẠNG VỐN 250.000 ĐỒNG BẠC.
Hội-quán : 54-56, đường Pellerin, SAIGON

R. C. SAIGON N° 81
Dây thép nói : 748

Tên dây thép :
CREDITANA — SAIGON

— Công-ty nhận tiền **TIẾT-KIỆM** của bá-tánh, gởi sinh lời 4 ly mỗi năm, sáu tháng tính một lần và nhập vô vốn mà sinh lời nữa. Tiền này muốn rút ra chừng nào cũng được.

— Công-ty cho vay thế chững về Q. Đe-trái Đông-Pháp Crédit National và những vé phiếu nào mà Chánh phủ Pháp hay là Đông-Pháp phát hành hay là chịu bảo chững. (Về công chuyện khác, xin hỏi thăm bản Hội).

Bản Hội có mua bên Pháp hợp Tiết-kiệm tốt đẹp bằng sắt mạ kền, để cho bá-tánh mượn dùng. Xin qui vị hãy đến Hội quán hay là viết thư mà hỏi cách thức mượn hợp Tiết-Kiệm ấy.

Tôn chỉ của bản Hội : **LÀM VỀ-VANG CHO XỨ SỞ MÌNH**

BAN TRỊ-SỰ DANH-DỰ VÀ CỖ-VĂN :

Chánh Hội-trưởng : Mr. HUYNH DINH-KHIEM
(ngài đã từ đời)

Hội-trưởng : Mr. TRAN-TRINH-TRACH, O *
Hội-đồng Hội-Nghị-Tư, Eclair.
(được bầu chọn theo điều thứ 24 trong Điều-lệ)

Đ. BAILLE DE LANGIBAU-
DIÈRE, Xã Tây, Saigon.

Mr. LE-PHAT-AN Denis, Nghiệp-
chủ, Thuộc.

Mr. LUU-VAN-LANG, *
Quan Kỹ-sư, Saigon.

Mr. NGUYEN-THANH-LIEM,
Thực-nghiệp-gia, Saigon.

Dr. NGUYEN-VAN-THINH, Sgon.

Dr. TRAN-VAN-DON, Saigon.

Me. TRINH-DINH-THAO, Traog-
sư, Saigon.

BAN TRỊ-SỰ VÀ QUẢN-LÝ :

Chánh Hội-trưởng : Mr. TRUONG-TAN VI, *
Độc-Phủ-sứ Hàm ở Châu-độc.

Pho Hội-trưởng : Dr. TRAN-NHU-LAN, Hội-
đồng Quản-bat, Saigon.

Quản lý Hành sự : Mr. NGUYEN-TAN VAN,
Nghiệp-chủ, Saigon.

Hội-viên : Mr. BUI-QUANG-CHI, Lương-
y bốn-quốc, Cholon.

Mr. NGUYEN-HUU-DO,
Nghiệp-chủ Gocong.

Mr. NGUYEN-VAN-LIEN, Bao
chế-sư, Saigon.

Mr. J. B. NGUYEN-TRUNG-
VINH, Nghiệp-chủ, Saigon.

Mr. THAI-VAN-LAN Alexis,
Kỹ-sư, Saigon.

Pháp-định Tổng lý : Mr. Paul LE-VAN-GONG.

CẤM TRÍCH LỤC CÁC BÀI VỞ ĐĂNG TRONG PHỤ-NỮ TÂN-VĂN MÀ IN LÂM SÁCH
(DROITS DE REPRODUCTION RÉSERVÉS)

PHỤ-NỮ

NĂM THỨ SÁU, SỐ 281

Ngày 11 Janvier 1934

Chủ-nhơn :
M^{me} NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

TÂN-VĂN

NGOẢNH NHÌN NĂM CŨ

Năm 1933 đã qua, đã chết. Song ảnh-hưởng của năm cũ còn nặng-nề trong thế-giới và riêng cho xứ Đông-dương ta.

Từ hơn ba năm nay, và từ nhưt là trong suốt năm 1933, tại ta vang-vậy những tiếng khóc than, những lời hò hét giận-dối của số đông loài người bị nạn khùng-hoàng. Hàng trăm triệu gia-dình ở khắp thế-giới, hàng vạn gia-dình ở xứ ta bị cái khổ thiếu cơm ăn, áo mặc, thuốc uống.

Đại-da-số trong nhân-quần thống-khổ. Dở báo ra đọc hằng ngày, thì suốt năm vừa qua cũng như mấy năm trước, ta vẫn thấy những tin : biều-tinh, thị-oai, nội-loạn, chiến-tranh đê-quốc.

Báo-chí toàn-cầu vẫn đăng luôn những tin Quốc-liên hợp hội-dồng, ủy-ban tiền-tệ nhóm, hội-nghị giải-bình, bọn kinh-tế-học tư-bản tìm phương cứu chế-độ; thế mà cái thiệt-tế càng ngày càng thấy khổ thêm cho dân-chúng.

Năm vừa qua, Đông-dương ta vì vấn-đề tiền-tệ, vì lúa bán mất giá và bán không được mà khổ hơn xứ Pháp nhiều. Cuộc khùng-hoàng kinh-tế phát sinh ở xứ ta trước ở Pháp; và vì dụng-cụ kinh-tế ở thuộc-địa sơ-sai hơn ở Pháp mà xứ này phải ít phương chống-chế hơn. Sự sống của người dân trước kia đã rất là kém thấp, ngày nay lại càng kém thấp hơn nhiều.

Hòa ra ảnh-hưởng của khùng-hoàng trong sự học-hành của dân-chúng rất là tai-hại. Trước kia tám phần mười người dân không được đi học; ngày nay nhiều trường học đóng cửa thì cái số bất-thức-tự phải tăng-gia.

Rồi nhưn cái tình-hình khó-khăn này mà một số khá to những người lao công (thứ nhưt là phụ-nữ) bị cám dỗ theo những thuyết chán đời; có biết đâu rằng làm tay lành lợi bày ra những phái như phái Quý-vương để đánh lừa người thật-thà vét hết mồ-hôi nước mắt đem cúng cho họ!

PHU NU TAN VAN

Dầu sao, một số khá đông người bỏ cuộc phấn-dấu công-cộng mà tìm nơi để mơ-mộng cõi lai-sinh nào, đó là điềm tỏ ra rằng: tình-hình sinh-hoạt ở xứ ta nguy ngập lắm, cho nên những người kém nghị-lực phải hạn-chế sự sống-còn của mình lại.

Nhà-in vẫn phát-hành nhiều sách mới, mà xem kỹ lại phần nhiều sách chỉ cổ-dộng cho người ta lánh cuộc phấn-dấu công-cộng, nghĩa là sự đầu lưng hợp sức với quần-chúng để binh-vực cái quyền sống-còn của mình.

Công nông xứ ta từ trước bị ở không (vi thiếu kỹ-nghệ) đã nhiều lắm, nay lại bị các xưởng, các hãng sa - thải người làm, số thất-nghiệp tang gia mái. Hạng « thầy » ở các thành-phố lớn bị mất việc cũng nhiều.

Lạ nhứt, là những người tri-thức xuất-thân đại-học hay là trung-học, phải nghèo ra vì gia-quyển không nuôi nữa mà lại tìm được việc làm ít tiền, hay là không tìm được việc làm.

Năm 1933 đã thấy tiêu-diệt nhiều công-nghệ và biểu buồn mà lại sản xuất thêm nhà khiêu-vô và nhà thổ-chứa.

Không những thế, các nghề tương bời đồng cốt đều lại thanh-hành hơn xưa nhiều. Nói tóm lại, những nghề không lợi, những nghề chỉ để cho một thiểu số sung sướng được nhờ là được « khá » trong năm vừa qua.

Ấy là triệu-chứng về sự suy-tồi của xã-hội.

Nói rằng xã-hội suy-tồi, thế-giới suy-tồi, không phải bảo rằng nhân-quần không thể cứ đi tới mãi! Trong sử loài người, lắm phen có sự đi lùi mà chỉ là tạm thời. Rồi thì xã-hội kinh qua những sự biến-thiên.

Nay chúng ta đương ở vào khúc quanh của sử loài người, bởi vậy như năm mới 1934 này, chúng ta nên phá các thành-kiến để có óc sáng suốt mà hiểu thời-cuộc.

Có như vậy mới tránh khỏi bệnh chán đời, mà cùng với quần-chúng tranh-dấu kịch-liệt hơn.

Phụ nữ Tân Văn



CUỘC ĐỜI VỚI Ý TÔI

Trong tuần-lễ vừa qua, báo chí ở Đông-dương lại càng quan tâm đến thời cuộc Trung-hoa hơn xưa nhiều lắm.

Một là vì chánh-phủ Phước-kiến thành lập có khuynh hướng cách mạng, và thứ nhứt là chống với bọn Tưởng-giới-Thạch. Một là vì điện tín Aríp và các báo Pháp mới sang đều chú ý tới sự phát-triển của Sô-viết Tàu.

Nhơn vậy mà trong nhiều tờ báo có bài nói về sự tở chừ Sô-viết ở trung-bộ Trung-hoa, mà nói lộn xộn hay là sai lầm nhiều lắm.

Có người thấy hai chữ Sô-viết thì vội cho rằng ở trung-bộ Trung-hoa có 80 triệu người dân bị người Nga bảo hộ.

Chúng tôi xin nhắc để bạn đọc-giã nhớ rằng hai chữ Sô-viết là chữ Nga, có nghĩa là hội-đồng, vì chế-độ Sô-viết sinh ở Nga trước tiên, cho nên bây giờ ai cũng dùng danh từ ấy mà chỉ cái chế-độ như sau này:

Các đồn-diên, các nhà máy, các xí nghiệp, các công việc công-cộng do người lao công công-cứ hội-đồng để quản trị. Mỗi hội-đồng được cử người vào chánh-phủ, cho đến đến bà nấu bếp cũng được dự chánh-trị. Cái chế-độ ấy gọi là chế-độ Sô-viết.

Một bên chánh-phủ Sô-viết thành lập như vậy có đảng cộng-sản làm tiền quân cho giai-cấp thợ-thuýn. Đảng này chỉ về đường lối, chỉ-huy chánh-phủ, nhưng chánh-phủ thì là do toàn dân công nông tham dự, và thực hành những chánh-sách mình tự do thảo luận và ưng chuẩn.

Như vậy thì 80 triệu nhưn dân ở trung-bộ Tàu có lập chánh-phủ Sô-viết Tàu, là tổ-chức theo cách hội-đồng công-nông tham-dự chánh-trị, chứ không phải là phụ-thuộc máy may nào vào nước Nga.

Có hiểu danh-từ ấy mới hiểu thời-cuộc Tàu ngày nay.

Cái quăng-cáo quá giờ!

Bồn-báo đã bàn về cái quăng-cáo quá-giờ của Huỳnh-văn-Tài, trong báo Đông-Nai, mà nay còn phải dở vấn-đề này ra chỉ vì nhiều báo từ Nam tới Bắc đều cố động việc, mà không nói những lời cần phải nói.

Người ta chỉ soi: tội - nghiệp cho anh Tài!

Còn chúng tôi, chúng tôi bảo rằng đừng cái quăng cáo ấy là một việc quá giờ.

Người đàn ông thất-nghiệp rao lên rằng: « Tôi kiếm không ra cách sống, vậy ai muốn vợ tôi mà có phương thế sống thì lại lãnh nó về! » là khinh nhân-phàm, nghĩa là phẩm cách của con người, và lại tỏ ra một cái quan-niệm mà người lao - động tây gọi là: *petit bourgeois*.

Tay rằng Huỳnh - văn - Tài có thêm rằng phải có xu-hướng tốt mới được cái phần lãnh vợ ănh về nuôi, song cái câu ấy chỉ là một cách làm *démagogie* (phỉnh dân) mà thôi.

Trong thời-kỳ khủng - hoăng này, khắp gầm trời quần-chúng công-nông đều tổ-chức để phấn-dấu; cuộc phấn-dấu này là cuộc phấn-dấu quyết-liệt và khó-khắn cho nên cũng có người lao-công nhiệm phũ tư-tưởng bi-quan hay là chủ-nghĩa vị kỷ của kẻ tiêu-tư sản. Ở Đức, ở Mỹ, vân vân, vẫn có một ít người lao-công có tư-tưởng như anh Huỳnh - văn -

Tài, nhưng mà đó là một cái triệu-chứng... « tôi » mà thôi.

Hết thầy anh em và chị em thất-nghiệp sẽ không theo gương anh rao... nhưng vợ này.

Xe đò ở Saigon.

Nhiều chủ xe cứ thi hành lối « bắt đẽ » làm cho hành-khách bức-tức quá.

Thậm chí xe Thái-Hòa muốn tranh với xe thơ dăm dối gạ khách đi xe một cách thô bỉ hết sức.

Người chủ xe tuyên-bố là chạy trước 6 giờ, là giờ xe thơ chạy, và cứ mở máy cho kêu rầm rã để hành-khách thích đi sớm thì đều lên.

Rồi họ chia giấy lấy tiền xong cho chạy vào Cholon rước mối. Thế rồi tự-nhiên chạy trở về bến Saigon đầu đẫy để chờ cho đầy xe, bất kể sự hành-khách bất-bình vì đã chờ trót giờ!

Chúng tôi khuyên anh em đi xe hệ gặp trường-hợp như vậy thì rùng rùng bỏ xe, và gọi cảnh-sát tới làm chứng, để kiện chủ xe. Thiết tưởng nếu hành-khách tổ-chức một cơ-quan để giữ lợi-quyền của mình thì hay lắm.

Đại khái họ có thể mở ra một phòng việc gần bến xe, để cho anh em nào đi đâu cứ do nơi đấy lo cho khỏi mất thì giờ và trả mất. Cốt nhất là chớ có bóc-lột hành-khách, chỉ lấy lời thể nào đủ trả cho người làm việc thường trực và sở phí các hạng, mà không mất thêm cho hành-khách.

PHU NU TAN VAN

Tết Tây buồn.

Tết Tây năm nay, Saigon bày ra một quang-cảnh buồn.

Nhà cửa có bảng « A louer », hiệu buôn đóng cửa, người thất-nghiệp đầy đường, vì vậy mà trừ ra một thiểu số lợi dụng còn thì mọi người đều rất khổ.

Saigon vẫn đã rất buồn, mà Cholon thì mất hẳn quang cảnh một thành-phố lớn. Mọi người đi đường đều có vẻ lo sợ; con ma đói rét chực ở ngạch cửa năm 1934.

Chắc vì vậy mà sự phấn-đấu sẽ phải kịch-liệt hăng-hái vô cùng.

Xe lô-ca-xông ở Hanói.

Ở Hanói, viên quan Đốc-lý (Résident-Maire) Eckert ra nhiều thể lệ nghiêm-khắc cơ hồ làm cho nghề cho thuê xe ô-tô không thể làm được nữa! Bởi vậy mà chủ các ô-tô tổ-chức phấn-đấu.....

Hanoi không phải là một thành phố hoàn-toàn do Hội-dồng thành phố và Xã-trưởng (do hội-dồng công cử) quản-lý.

Ở Hà-thành, có chức Résident-Maire, quyền hành giống như Tham-biện chủ-tĩnh.

Cuộc phân-đối này chưa thấy động đến chế-độ thành-phố, nhưng rồi thế nào cũng sẽ động đến. Vì Hanói là một thành-phố mới, có trường-học cao-đẳng, lẽ phải thành ra một thị-sánh trisự như Saigon, thì người dân và những kẻ làm các nghề thủ-công, buôn gánh bán bưng, cho đến các chủ nho nhỏ - cùng với thợ thuyền dễ binh-vực lợi quyền công-cộng hơn.

Trời rét.

Độ này ở Saigon nhiều hôm khá lạnh. Lắm gia-đình nhưn thì tiết này mà nhớ đến con em

lam-lu hay là học-hành ở Pháp và ngoại-quốc.

Ở Pháp, nhất là Paris, rét nhiều khi hàn-thử-biêu chỉ 10 độ dưới zéro.

Nhiều học trò Annam phải mặc hai cái áo thun, bullover và khoác áo ngoài (ngự-bàn) - choàn khăn cổ, mà vẫn còn khó chịu. Lạnh như vậy mà nếu ăn mặc đủ thì con người lại được khoẻ mạnh. Nhiều người khi ở bên ta hết đau đến yếu mà ở bên Pháp thì không thấy bệnh-tật gì cả.

Nhưng mà hề thỉnh - thoảng thiếu một bữa ăn, hay là ăn đồ xấu và thiếu mặc thì hay mắc những bệnh phôi, nhất là ho và đau ruột.

Hội Học-thuật và Tương-lễ ở số 5, Square de la Mutualité Paris, là một hội Annam to nhất tại Pháp, trong thời-kỳ một năm đầu đã dự nhiều đám táng anh em nghèo chết về những chứng bệnh ấy.

Cô Thụy - An bất đồng ý-kiến với cô Nguyễn - thị - Kiềm

Về vấn-đề thơ, cô Thụy-An tuy là bạn của cô Nguyễn-thị-Kiềm mà vẫn không đồng ý-kiến.



Bởi vậy nữ-sĩ có tỏ ý không đồng ý tại Saigon.

Nay về sự phê-bình tác-phẩm của ông Lưu-trọng-Lưu có bạn Thụy-An cũng khác ý-kiến.

Nhưng vậy, ta cứ đọc lại bài trả lời của ông Lưu-trọng-Lưu, thì ta nhận rằng ông Lưu biết sự sinh-hoạt của « người sơn nhàn » là dở. Độc-giã hãy đọc kỹ thì hiểu. Hóa ra có bạn Thụy-An bình tác-phẩm hơn là tác-giã bình.

Cuộc tuyên-cử sắp đến.

Vì tình-trạng nguy ngập ngày nay, cuộc tuyên-cử quân-hạt sắp đến sẽ kịch liệt vô cùng.

Suốt toàn hạt Namkỳ, trong bốn triệu nhơn dân mà chỉ có hơn hai vạn người cử-tri, bấy nhiêu đó đủ biết hầu hết dân công nông không có quyền tuyên-cử.

Chừng mười năm về trước, chỉ có hương - chức hội tề mới được quyền dự vào cuộc tranh cử mà thôi. Mười năm trở lại đây, các hạng nông - nghiệp, thương-nghiệp chủ và sơ-học sắp lên được làm cử-tri. Nếu hết thấy những người có quyền bỏ thăm đều dự vào cuộc tuyên-cử, thì sẽ có 4-5 vạn cử-tri tranh nhau.

Lần tuyên-cử sẽ tới đây, chúng tôi khuyên những người sơ-học, những hạng buôn bán nghèo, những người tri thức bị nạn thất-nghiệp sẽ tham-gia vào để có cơ-hội mà gỡ mặt nạ những kẻ gian phĩnh mình.

Như vậy thì các anh em phải lo hỏi thăm xem người ta đã có ghi tên mình vào sổ cử-tri chưa.

ĐIỆU HÁT CẢI LƯƠNG TA

Gần đây, trong điệu hát cải-lương ta, thấy có nhiều đờn cải cách :

1. Hát theo bản đờn tây với tiếng Annam.
2. Ít diễn tuồng cổ (chuyện đời xưa), thường hát tuồng hợp với xã-hội bây giờ.
3. Dịch và soạn tuồng theo lối kịch Pháp, có khiêu-vũ.

Lối hát tiếng Annam theo bản tây chẳng phải là mới có đây. Cách mấy năm trước gánh hát cải lương của thầy Mười Vui cùng các gánh hát cũ như Tân-Thịnh vẫn vẫn có bày ra chường « tableau vivant »: mới rút màn lên thấy đủ đào kép, kẻ đứng người ngồi rồi đồng ca chúc mừng Đờng-ban lần lời khen « thầy Đại-pháp » mà ca theo điệu « La Marseillaise » hay là « La Madelon ». Đó là bước đầu của điệu ca cải lương theo bản tây. Nhưng ta không thể so sánh mấy bài La Madelon và La Marseillaise Annam với mấy bài hát tây của gánh hát Trần-Đất bây giờ được. Khác nhau bởi âm nhạc khác. Xưa mình đờn bản La Marseillaise và Madelon mà đờn bằng đờn Annam: đờn-cò, đờn-kim, ống-sáo. Đờn của mình còn thiếu âm nhiều, tiếng nghe hơi thép (métallique), cao quá cho nên nhái điệu Tây thì đời hẳn bản của người ta đi. Tôi còn nhớ khi còn học trong trường, cuối năm trong lớp chị em có bày ra đờn hát vui chơi với thầy. Có một bạn khảy đờn kim, chơi bản « La Marseillaise », thầy chúng tôi nghe mới hỏi « Bản Annam có bản này ngộ quá. Trong ý tỏ sự ly biệt phải không? » Chúng tôi nói là bản « La Marseillaise » thì bà chưng hững. Của người ta là bài « khêu chiến sĩ » mà mình làm ra sự « ly biệt » thì khác xa một trời một vực. Đó là đờn kim; đến đờn cò mà ở e giọng Marseillaise thì có thể đưa đám ma được... Bây giờ đến người hát. Theo âm nhạc của mình chẳng có lẽ luật (solfège); các tài tử ca điệu Madelon, Marseillaise, không biết cò nào phải nín tiếng, chỗ nào kéo hơi dài, rồi không lẽ bỏ giọng ý...y... mới dứt nhét bậy bạ mấy chữ thông như « Còn như, Rồi nên, vẫn vẫn. » Hai bản tây trên đây vừa nhập tịch vô âm-nhạc Annam thì trở nên « Annam » thiệt. Thế nên người ta không đề ý nhiều là vậy.

Đến ngày nay, gánh Trần-Đất thật dùng âm-nhạc tây (vừa điệu vừa đồ nghề: piano, violon vàn vàn) mà hát tiếng ta, nghe mới và lạ lắm. Cái cải cách của gánh Trần-Đất liền được công-

chúng Nam-kỳ hoan-nghinh. Ra Bắc-kỳ, mấy tháng trước, gánh Trần-Đất có tổ-chức một đêm hát để trình với các nhà âm-nhạc Pháp. Nam, lối cải cách này, thì cũng được các nhà mỹ-thuật khen ngợi. Tuy thế, người ta chưa nhận lối ấy một cách dễ dàng. Có vài tờ báo Bắc-kỳ chỉ trích chê bai điệu hát đó. Phần đờn không ai để ý đến, chớ mấy lời chỉ trích đó đáng nên nghe lắm. Theo ý tôi, hát theo bản tây là một điều hay. Ai có đi xem hát Trần-Đất thì cũng rõ hát như vậy chẳng chường kỹ, khó nghe chút nào. Đó là một việc lạ bất ngờ. Tiếng nước ta là tiếng monosyllabe (xin dịch tạm là tiếng từng âm) mà tiếng Pháp là tiếng polysyllabe (xin dịch tạm là tiếng liền âm) khác nhau xa. Tiếng của ta hát nghe như rời từ chữ, muốn cho rõ phải nện (scander) từng chữ thành ra nghe có hơi chan-chác, như ọc lăm. Tiếng Pháp trong một chữ có thể nhận giọng nơi một âm (syllabe) còn thã hơi nơi mấy âm sau, vì vậy mà mình có thể hát liền chữ kể không có rời rạc. Thế là chưa kể mấy cái dấu của mình nữa. Vậy thì làm sao mà các tài-tử như cô Phùng-Hà, kép như MM. Châu, Chơi, Út vàn vàn, bát Tây nghe thâm trầm, cũng rõ lời mà đủ hi, nộ, ái, ố? Chỉ vì họ biết theo nhịp đờn, tùy cơn mà cất tiếng dài vắn. Cách này vừa lạ vừa hay, thế không cảm dễ mình sao được. Nhưng phải coi chừng! Đối với một người chưa biết bài hát Tây nào, thì tài-tử hát điệu nào, người ấy cũng đồng khen. Đến một người biết mấy điệu hát Tây thì hát sai chỗ họ lấy làm bực tức lắm. Sai chỗ là làm sao? Giã như bản kia là bản thường hát ở mấy quán ca-phê, điệu này mùa ở Music-hall, lối linh tập hát di đường, mà mình nhè đem cho một cô thiếu-nữ nghiêm trang khi thêu thùa hát tỏ tình cãnh, tâm-sự vắn vắn. Đó là sai chỗ. Tôi còn nhớ một đêm xem hát Trần-Đất, nơi hàng ghế sau lưng tôi, có vài người Tây và dăm lai. Khi nghe tài-tử của mình hát bản tây, họ bum miệng cười sần sặc, tôi lấy làm khó chịu hết sức... Đó là lẽ tự-nhiên. Nếu bây giờ mình nghe một bọn Mọi hay là người Cao-miền nhảy múa rần rạt mà rống hát theo điệu Văn-thiên-tướng, thử xem mình có cười không?... Việc lấy điệu đờn Pháp mà ca theo mình chẳng phải dở. Bên Âu-châu người tài-tử cũng thường lựa bầu hay của nước khác mà hát bằng tiếng của

họ. Dở hay là nội cách chọn bản đó. Tuy vậy, người mình chẳng nên hát rỗng những bản Tây. Thử nghĩ một người ngoại quốc đến xứ ta, muốn khảo cứu về mỹ-thuật của mình, vào xem hát cải-lương, người ấy nghe rất là bản Tây thì họ tưởng làm sao? Vậy ta phải chính đốn âm-nhạc của ta lại.

Đây là một việc khác, rất khó, chẳng phải làm được trong một ngày, trong một năm, chỉ trồng cây nơi các nhà nghề âm-nhạc, và các tài-tử ta học ở Conservatoire Hanôï hay là bên Pháp. Gần đây, có người sáng kiến đem bản ca cải-lương của mình mà đờn piano, violon vãn vãn. Việc này được cái kết quả tốt đẹp. Giọng véo vát, buồn thảm, hoặc gọn gàng của mình vẫn còn nguyên, mà lại được êm đềm trầm trầm lắm, không có tiếng chác óc nữa. Người Pháp nghe chơi cũng khen và ưa lắm, cho mấy bài có cái đặc-sắc riêng của nó, không có gì giống với điệu tây. Thế là điệu ca của ta chẳng dở, chỉ tại mấy thứ đờn của ta còn sơ sài lắm, cần phải biến cải cho hoàn-toàn. Nếu không thể đổi được, thì ta dùng đờn của nước người để chơi bản ta. Có người sẽ phản kháng: « Ta về ta tắm ao nhà, dầu trong dầu đục cũng là ao ta. »

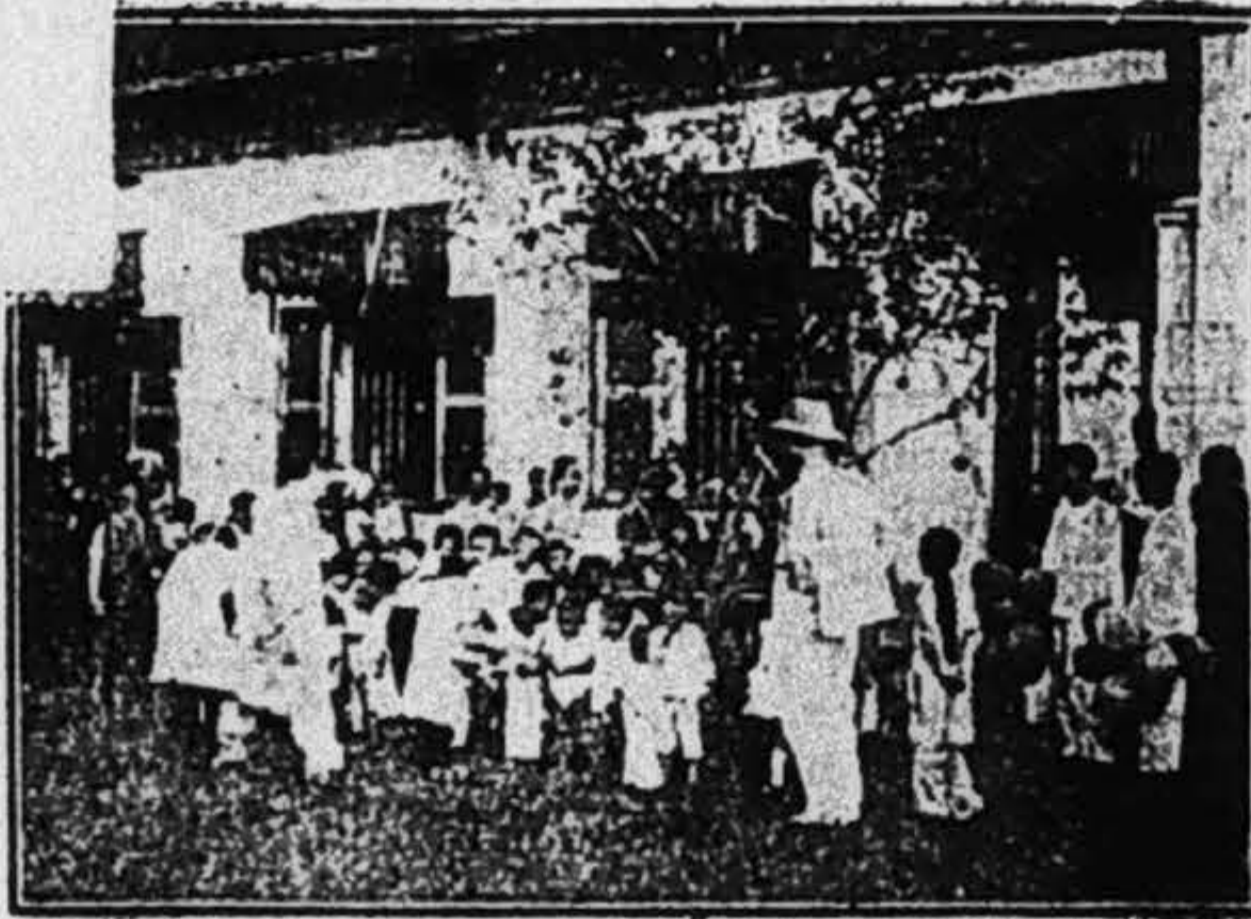
Tôi xin van mấy ông muốn giữ cái « quốc-túy » « quốc-hồn » gì đó cứ giữ riêng cho một mình. Người Annam có xuống có ghe chớ không có tàu hơi, muốn theo cái lý tưởng của mấy ông, chúng ta phải đi xuống đi ghe mãi sao? ?

Nếu mấy bài ca cải-lương chơi với đờn piano, violon mà hay như điệu củ, (hay hơn nữa thì phải), tôi nghĩ có Phùng-Há có cái giọng qui hóa kia cùng với mấy tài tử có tiếng tốt như MM. Châu, Chơì cũng nên thử ca Hành-vân, Tây-thi theo nhịp đờn tây, coi cái kết-quả ra thế nào. Có lẽ là được lắm.

Tôi không hiểu tại làm sao có người thấy rõ cái dở của điệu ca của mình mà không chịu nhận như vậy. Bản nào bản ri-rít như than khóc kể lẽ tỏ ra cái tánh yếu ớt của dân mình, cái hồn bị đè áp phục tùng từ mấy ngàn năm xưa... Nhưng họ cho vậy là mơ mộng, vãn vơ, khen có cái văn chương trong lời hát. Mà văn chương của bài ca ta là văn-chương tâm phào, nói đi nói lại. Còn mấy bài vui vui như Kiêm-tiền, Long-hổ-bội, Bình-bán, ưỡn quá nó ngán thiết (hời ôi! bài vui vẫn chẳng đầy gang) mà hiện nay, tài tử lần lần bỏ mất. Âm-nhạc của ta nghèo lắm vì chẳng có ai bỏ công sửa đổi các thứ đờn, chẳng có thầy đặt bài ca (compositeur) có bấy nhiêu điệu thì cứ xài bao nhiêu đó.

Lễ cây mùa xuân của hội Dục-Anh

Cũng như năm rồi, năm nay đến ngày 3 Février 1934 hội Dục-anh cũng thiết lễ cây mùa xuân để phân phát áo quần, khăn nón, và bánh trái cho trẻ con của hội nuôi trong mấy viện.



Lễ cây mùa xuân 1933

Lễ năm nay tuy hội chưa cử-động mà đã được các nhà từ thiện chủ ý lắm, tuần rồi bà Hội-trưởng đã tiếp được mấy món đồ chơi của một nhà từ thiện gửi đến cho, ký tên « Một người đàn bà ».

Hội xin kính lời cảm ơn nhà hảo tâm ấy và xin cùng các nhà từ thiện xa gần, nếu sẵn lòng cho hội hoặc tiền bạc, hoặc bánh trái, quần áo, đồ chơi để phân phát cho trẻ em nghèo thiếu trong dịp lễ này xin gửi cho bà Hội-trưởng Nguyễn-trung-Thu ở số 51 đường Messiges, Saigon, hoặc gửi đến tại Báo quán Phụ-nữ Tân-văn.

Hội Dục-Anh kính cáo

Thanh-niên ta học âm-nhạc Pháp rất nhiều. Học thành tài-tử cũng chẳng phải là số ít, nhưng sao ít có bạn nghiên cứu, cải cách, lập một lối âm-nhạc mới mẻ cho nước mình. Mong mỗi trở nên một nhà nghề trừ danh như các thần nhạc Pháp thì là một chuyện khó, và khó mà đoạt được, nên gia công lo cho âm-nhạc của mình tiến lên một bước. Việc này có thể làm cho các bạn trở nên lừng lẫy trong lịch-sử âm-nhạc và là một công-trình rất to đối với mỹ-thuật nước nhà. Có ai có cái chủ-y đó chẳng?

(Còn tiếp)

NGUYỄN-THỊ-KIỆM

Nữ-sĩ Việt-nam

(Tiếp theo)

Một bộ tiểu-sử bà Roland; một bộ tiểu-sử Thu-Cận nữ-sĩ nhan là « Giám hồ nữ hiệp » và bộ trường-thiên tiểu-thuyết « Nữ anh tài ».

Truyện Roland phu-nhơn và Thu-Cận nữ-sĩ là truyện thiết, thuật ra để nêu gương nữ-khiết cho phụ-nữ Việt-nam.

Truyện « Nữ anh tài » là truyện đặt viết ra để khuyến-khích chị em nên bắt chước những nhân vật của mình mà hành-động cho sự thanh-vượng của gia-đình xã-hội. Có điều nên chú ý hơn hết là trong truyện « Nữ-anh-tài » có thầy bàn đến những vấn-đề: « Phụ-nữ chức-nghiệp » và « Nữ-công học-hội » là những việc mà bạn gái đã tiếp tục thiết-hành.

N. L. T. Q. có nhiều khuynh-hướng về quốc-sự nên sống chẳng được lâu, nhưng đối với nữ-giới nó cũng có ảnh-hưởng lớn lắm. Người ta nói rằng độc-giã của N. L. T. Q. hồi đó có số trên hai ngàn người. Mà cái số độc-giã đó là lấy ở đâu ra? Phải chăng là ở các độc-giã của những truyện Tàu hoang-đường và những tiểu-thuyết nhảm-nhi?

Thế là Nữ-lưu-Thơ-quán đã có công thay đổi được ít nhiều cái sở-hiểu của quần-chúng nữ-lưu để tập-lần cho họ biết quan-niệm và thiết-hành những vấn-đề có bổ-ích cho tiền-đồ phụ-nữ.

Trong lúc Nữ-lưu-Thơ-quán đương hoạt-động ở Nam-kỳ, thì ở Trung-kỳ có bà Huỳnh-thị-Bảo-Hòa xuất-hiện và ở Bắc-kỳ cũng có Trương-Phổ phu-nhơn cùng một vài nữ-sĩ khác ra đời.

Bảo-Hòa nữ-sĩ có viết bài cho tạp-chí Nam-Phong và Đông-Pháp Thời-Báo, cũng có xuất bản một bộ tiểu-thuyết nhan đề « Tây-phương Mỹ-nhân ».

« Tây-phương Mỹ-nhân » là truyện một người đàn-bà Pháp giòng sang có chồng là một bác nông phu Nam-việt từng-chinh qua chánh-quốc về hồi đại chiến năm 1914-18.

Câu chuyện lý-thú đã được nhiều người truyền-tung và đã được các báo hoan-nghinh, nhưng cách pho diễn còn kém bề linh-hoạt, tác-giả còn chịu cái ảnh-hưởng cựu-học và hẳn như không biết gì đến cái nghệ-thuật của văn-học Tây-phương.

Đến Trương-Phổ phu-nhân thì ta lại thấy ngay một tánh-cách khác thường. Phu-nhơn không có cái danh-vọng lớn lao như Đạm-Phương nữ-sĩ, không có cái sự-nghiệp oanh-liệt như Bạch-Vân nữ-sĩ, mà cũng không xuất bản được một cuốn sách

nào như bà Huỳnh-thị-Bảo-Hòa. Nhưng phu-nhơn lại bầm-sanh có được cái tâm-hồn thi-sĩ nên văn-chương của phu-nhơn thường có một cái giọng-điệu du-đương hòa theo với một cái thi-tình thống-thiết.

Ở P. N. T. V. này tôi đã viết riêng một bài nói về phu-nhơn rồi, đây chỉ nhắc qua lại mà thôi.

Trương-Phổ phu-nhơn còn có người em là Song-Khê nữ-sĩ, cũng có văn-tài thi-cầm như bà, nhưng hình như không mấy khi chịu công-bổ những văn-chương mình ra.

Nghe nói người « tri-âm không quen biết » của thi-sĩ Tân-Đà chính là Song-Khê nữ-sĩ đó.

Nguyên thi-sĩ có làm bốn câu thơ rằng:

Muốn ăn rau sắng chùa Hương,

Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa.

Mình đi, ta ở lại nhà,

Cái dưa thì khù, cái cà thì thâm.

Nữ-sĩ, hồi đó ở Phú-lý (gần chùa Hương) liền mua một gói rau sắng gói biếu thi-sĩ kèm với bốn câu thơ họa lại rằng:

Kính dâng rau sắng chùa Hương,

Đỡ ai tiền tốn, con đường đỡ xa.

Không đi, xin gửi lại nhà

Thay cho dưa khù cùng là cà thâm.

Lại hồi Annam tạp-chí bị khủng-hoảng về tài-chánh, chính nữ-sĩ đã có lần gửi giúp bốn chục đồng. Gửi cho rau sắng, gửi giúp tiền bạc, nữ-sĩ đều ân-danh không cho người thọ-lãnh biết là của ai mà đưa lời cảm-tạ.

Nhơn vậy mà nhà thi-sĩ kêu là người « tri-âm không quen biết » và thường chặc nhờ tới hoài trong văn-chương sách vở.

Hồi Tân-Đà thi-sĩ ở Nam về thi Song-Khê nữ-sĩ đương từng sự ở Kiến-an và như có mờ ra một cái sa-lông văn-học thường có tao-nhơn mặc-khách vãng-lai. Thi-sĩ Tân-Đà xuống tàu ở Hải-phòng, nhơn có các bạn-nói chuyện, liền qua Kiến-an thăm nữ-sĩ, mà từ đấy, người « tri-âm không quen biết » đã thành người tri-âm có quen biết của ai kia rồi vậy.

Tới khi có báo Đông-Tây ra đời ta lại biết thêm được một vị nữ-sĩ nữa là Việt-An nữ-sĩ.

Những bài luận-văn của nữ-sĩ ở báo Đông-Tây hồi đó được độc-giã hoan-nghinh nhiều lắm, và sự hoan-nghinh ấy chính là cái bằng-chứng cho cái học-vấn tài-ba của nữ-sĩ vậy.

Ngoài mấy nữ-sĩ mà tôi đã kể ra đây cô lẽ còn nhiều nữ-sĩ khác tôi không biết đủ mà nói tới. Nhưng đại-đề ta cũng đã thấy rằng phong-trào quốc-văn vẫn có phụ-nữ hướng-ứng, và nữ-sĩ cũng nhiều người có văn-tài thi-cầm và có ý-chí tâm-huyết.

Tuy nhiên những cái văn-tài thi-cầm và những cái ý-chí tâm-huyết đó vẫn chỉ mới thấy phát-triển ở từng cá-nhơn, và còn hạn-nhược yếu đuối lắm. Ta còn cần phải gây nên những phong-trào mạnh-mẽ cho nữ-sĩ có cơ-hội xuất đầu lộ-diện mà phát-triển những cái năng-lực quý báu của mình.

Những cái phong-trào đó tự đâu mà có? Phải chăng là ở những cơ-quan phụ-nữ đã tiếp-tục nhau mà ra đời, bắt đầu từ tờ Phụ-nữ Tân-văn, qua tờ Phụ-nữ Thời-dàm, tới tờ Phụ-nữ Tân-tiến.

Đã đành những cơ-quan này đều có văn-sĩ đàn ông phụ-lục và chủ-trương, nhưng cũng vẫn còn là những cơ-quan chung cho phụ-nữ, đã ảnh-hưởng đến văn-học nữ-giới xứ này nhiều lắm.

Ngay từ hồi đầu trên P. N. T. V. đã thấy đăng nhiều bài văn của nữ-sĩ, làm bài cũng ý-từ dồi-dào đáng cho ta phải chú-ý.

Cùng với những bài đoản-bình của bà Nguyễn-đức-Nhuận, còn có những bài khảo-cứu của bà Hương-Nhật và những bài hoài-cảm của bà Văn-Đài, phần nhiều đều có giá-trị về văn-chương tư-tưởng cả.

Phụ-nữ Thời-dàm ở ngoài Bắc hồi đầu cũng có mấy nữ sĩ sung vô bộ biên-tập như cô Nguyễn-thị-Khang, tác-giả những bài du-ký đi Tây, đã tỏ ra là một người có tài có học, và có Đoàn-tâm-Đan, trước khi làm trợ-bút cho P. N. T. Đ. đã từng có xuất-bản hai cuốn sách nhỏ: « Người nội trợ giỏi » và « Tặng bạn tri-ký ».

Phụ-nữ Tân-tiến tôi không thường được coi nên không được biết rõ những nữ sĩ nào đã viết giúp cho báo đó.

Tới nay Phụ-nữ Tân-tiến đã đình bản rồi, và Phụ-nữ Tân-văn cùng Phụ-nữ Thời-dàm cũng đã trải qua nhiều hồi biến-cải. Song hai cái cơ-quan còn sống lại đây vẫn còn là những cái diễn-dàn chung của phụ-nữ và vẫn thường cho ta được thưởng-thức những áng văn mới mẻ của những nữ-sĩ tân-tiến xuất-hiện gần đây, như Thụy-An nữ-sĩ, Mạnh-Mạnh nữ-sĩ, v v...

Những nữ-sĩ lớp sau này phần nhiều là xuất thân Tây-học và phần nhiều đều sở-hữu được một cái văn-thể gọn-gàng linh-hoạt và có những tư-tưởng mới mẻ đủ theo kịp với thời-đại và hoàn-cảnh.

Thế là những cái hiện-tượng ta thấy ở văn-giới

đàn-ông đều có bày ra ở văn-học phụ-nữ. Ta thấy rằng, trong mới có mấy chục năm nay mà cái số nữ-sĩ đã một ngày một tăng thêm nhiều lắm. Ta lại thấy rằng phần lượng đã tăng thêm mà cái phẩm cũng đổi mới.

Từ văn-chương, tư-tưởng, cho đến nghệ-thuật, cảm-tình, nhứt nhứt đều theo thời-gian mà biến-hóa.

Trong văn-giới đàn-ông nay đã có người mới thế vào cho người cũ. Thì trên văn-đàn phụ-nữ cũng có những nữ-sĩ tân-thời ra chiếm lấy cái địa-vị của nữ-sĩ xưa kia.

Trước đây, nữ-sĩ là hạng cựu-học. Gần đây, nữ-sĩ là hạng bán-cựu bán-tân. Mới đây, mới đây nữ-sĩ phần nhiều đều là tui thuần-túy Tây-học.

Cái ảnh hưởng của Tây-học đối với văn-học ta rất là tốt tươi đẹp đẽ, vì nó đã giúp cho người ta được biết tới cái phương-pháp khoa-học, được gây lấy cái óc phê-bình và cái trí quan-sát, cùng là được học lấy những nghệ-thuật tinh-xảo của văn-sĩ Tây-phương.

Nhờ những cái đức-tánh đó mà hiện nay nữ-sĩ cũng như văn-sĩ đều có đủ những cái điều-kiện cho sự tiến-hóa của mình.

Tuy nhiên, đã khảo-cứu về lịch sử tiến-hóa không nên chỉ căn cứ vào hiện-tại mà bàn. Tất còn phải trở lại tìm lấy những bước đường của người trước đã đi, và tất phải công-nhận rằng những bước đường đó đã ảnh-hưởng đến những bước đường của chúng ta bây giờ, cũng như chúng ta sẽ còn có ảnh-hưởng đến bước đường tương-lai của đoàn hậu tấn nữa.

Nhơn những lẽ đó mà tôi đã viết ra hai bài lược-khảo này về « Nữ-sĩ Việt-nam » và cũng như đã thấy qua được cái lịch-trình tiến-hóa của phụ-nữ trên đường văn-học mà nảy ra cái hy-vọng rằng:

« Nữ-lưu đã gần tiến tới cái trình-độ của nam-giới thì đã bắt đầu tới cái thời-kỳ ta có thể hiểu « biết được nhau, giúp đỡ lẫn nhau, mà cùng nhau « hành động cho sự tiến-hóa chung của quốc-gia « xã-hội... »

THIỆU-SƠN

Dấu

“Dạng-thức-Liêng”

đã tốt và hay hơn dầu của China, mà giá lại rẻ hơn; mỗi ve: 0\$18

Hỏi mua: Saigon hiện Nguyễn-thị-Kính; Cánh: Trung chầu lữ-quân và lại nhà ông, 288 Lagrandière Saigon.

CẢM TƯ'ONG CỦA TÔI ĐỐI VỚI VIỆC ANH TÀI NHU'ONG VỢ'

Hai tháng trước, một thầy làm việc hãng buôn ở Saigon, có quen với tôi, gặp tôi tại chợ-cũ, vào lối 5 giờ chiều.

Thầy mặc một bộ đồ vải trắng, chơn mang guốc vòng đỏ, đầu đội nón nỉ cũ, gương mặt tu-tuy khác xưa, tay lại có bông một đũa bé lối bốn năm tuổi. Sẵn đang đứng trước một tiệm cà-phê, tôi có ý muốn cho đũa bé một vài cái bánh ngọt, nên liền mời thầy vào tiệm ngồi.

Sau khi chệt đem lại hai tách « sây-cá-nại » và tôi trao cho thầy bé một cái bánh hạnh-nhơn, tôi bèn hỏi thầy họ :

— Chắc lúc này thầy khổ lắm?

Lắc đầu, ngó tôi, thầy đáp :

— Khổ hết nước nói! Chắc thầy cũng biết tôi bị thất-nghiệp bấy tám tháng nay, đi kiếm chỗ làm đã rách hết quần áo mà cũng không kiếm đâu ra một chỗ làm nhỏ nhỏ lối vài chục đồng.

« Người mình thường nói: « Làm thầy thì khó, chớ làm tớ thì dễ », nhưng với mấy năm trước kia, chớ đối với năm nay, đừng nói chuyện làm thầy, muốn làm tớ mà cũng không thể muốn được nữa. Đi kiếm chỗ làm, hiện giờ thật tôi không còn chút hi-vọng gì về chuyện đó hết. »

— Mấy tháng nay, thầy sống bằng cách nào?

— Sống trên lưng vợ! Thầy vừa nói vừa cười.

Thiệt vậy, hồi này không thể nhờ-nhờ bà con anh em chi được hết. Những người quen với mình, phần nhiều cũng thất nghiệp, nghèo khổ như mình, hay họ có còn giữ vững chỗ làm, cũng chỉ đủ nuôi miệng, nuôi vợ con... có dư giả chút nào đâu mà tể-cấp cho mình được. Ai cũng bị sụt lương đến bốn năm chục phần trăm hết thảy!...

— Thầy nói thầy « sống trên lưng vợ » là nghĩa làm sao?

— Nghĩa là vợ tôi đi làm mà nuôi hết cả nhà. Vợ tôi có nghề may khéo, nó đi may cho đằm, mỗi tuần được 6\$ thiệt dủ cho tôi lắm. Vợ chồng tôi có 3 đứa con, thằng này là nhũ hết (thầy vừa nói vừa vỗ lưng thằng bé) mỗi ngày vợ tôi đi may, tôi

phải ở nhà nấu cơm, khuấy sũa và chần 3 đứa nhỏ...

— Thầy thất-nghiệp mà mỗi tháng cũng còn có được 24\$ thì cũng đỡ lắm chớ?

— Đỡ lắm. Song phải chi được như vậy hoài, thì tuy cách sống của chúng tôi có cực khổ một chút, nhưng chúng tôi cũng còn rán mà sống được, cái này có được như vậy mãi đâu? Hôm đầu tháng này, bà chủ ở-nhà-tôi về Tây, thành ra vợ tôi cũng bị thất-nghiệp như tôi rồi nữa.

« Hôm đầu tháng tới nay, vợ chồng tôi đồ khổ vô cùng. Cũng như tôi, ngày nào vợ tôi cũng lặn lội mòn guốc mòn giày để kiếm chỗ làm, mà vào nhà Tây nào cũng thấy lắc đầu, khoát tay, không muốn!

« Làm sao bây giờ? Vợ chồng tôi như bị treo giữa lưng trời, muốn lên không lên được, muốn xuống cũng không xuống được, thiệt là tằm thối lưỡng nan, chỉ có nhìn nhau mà ứa nước mắt. Nhiều khi khuôn quá, chúng tôi muốn dắt nhau lên cầu Bình-lợi mà..... nhưng nghĩ lại 3 đứa con thơ, chúng nó có tội tình chi, mà chúng tôi dắt nhau đi trốn nó, làm mất cái sự yêu-thương, âu-yếm của chúng nó? Vả lại, nghèo túng quá mà tự tử là nhát gan, đã bỏ con mình lại bơ vơ mà lại còn bị người đời cười chê mình là khiếp-nhược nữa.

« Muốn sống không sống được, muốn chết cũng chết không yên thân, thế thì tôi phải tính cách nào?»

Du-dự một chút, thầy nói tiếp :

— Tôi có tính kế này, tự tôi thì tôi cho là hay, nhưng tôi ngại quá, trước khi thiệt hành, tôi muốn hỏi lại ý-kiến anh em coi ra làm sao đã. Như anh em cho tôi tính làm vậy là phải, thì tôi vui lòng làm liền, bằng anh em cho là không nên thì thôi, tôi rán chịu cực khổ thêm ít ngày, rồi sẽ tính kế khác.

— Thầy tính kế gì? Nếu có thể cho tôi biết được xin thầy cho tôi biết thử.

Sau khi hợp miếng cà-phê, thầy mỉm cười, thầy ngần ngại, thầy nói :

— Tôi muốn cho vợ tôi đi lấy chồng! Tôi tính nát trí khôn, chỉ có kế ấy, cả nhà tôi mới sống được mà chịu với nạn kinh-tế khủng-hoàng thảm-khốc này.

« Chắc thầy cũng biết, vợ tôi còn trẻ, mới hăm mấy tuổi, nó có chút đỉnh nhan sắc, tuy đã có 3 mặt con rồi, nhưng tôi nhắm nó còn có thể kiếm chồng dễ hơn kiếm chỗ làm nhiều.

« Nhờ có đi may mượn cho dăm, ở trong mát, da thịt trắng trẻo, lại lành quần lành áo, tôi biết nếu lúc này nó ra kiếm chồng thì dễ lắm, chớ nếu để một vài tháng sau, thì, trẻ rồi, không ma nào mà chịu rước! »

— Sao mà trẻ?

— Thi nghèo túng, ăn uống thất thường, nhan-sắc sẽ tiêu-tụy, mặt mày sẽ ủ dột, « bộ-giò » nó sẽ tiêu đi mất. Đã vậy, hiện nay tuy nó không có « vi-kiến », vòng vàng chuỗi hạt gì, nhưng nó cũng còn có quần hàng áo lụa, diện vóc coi còn được lắm, chớ nếu để dần-dà một đôi tháng, nay cầm cái áo, mai cầm cái quần... cầm bán mà ăn thết hết rồi, mình trần thân trải, làm sao mà nhem-thèm những bọn đa-tình háo-sắc cho được.

— Cái kế của thầy tuy khá, mà cũng không phải là vẹn-toàn. Vợ thầy có chồng thì an phận an thân, nhưng còn thầy với mấy cháu, tránh sao cho khỏi vất-vả?

— Không. Hễ vợ tôi có chồng thì chúng tôi yên ổn hết thầy chớ. Tôi giao trước với vợ tôi, nếu nó có chồng, như khá thì nó cho con nó tiền, hoặc nó rước được về nuôi thì rước, chỉ còn có một mình tôi, tôi sống gửi nơi bạn bè, người quen, ngủ lều ngủ chái, tôi nhắm tôi sống nổi.

— Thầy tính như vậy, nhưng biết vợ thầy có bằng lòng làm y như kế thầy tính đó không?

— Tôi chưa dò thử ý vợ tôi, nhưng có lẽ tôi cất nghĩa lợi hại rõ ràng, nó cũng phải chịu.

« Vợ chồng ăn ở với nhau chín mười năm, có đôi ba mặt con, có lẽ nào chúng tôi lại không thương nhau như vợ chồng thiên-hạ. Không, không, nói về tiền-bạc thì vợ chồng tôi nghèo hơn ai hết, nhưng nói về sự ái-ân, tình-nghĩa thì chúng tôi giàu, giàu to, ít người sánh kịp.

« Hôm nay chúng tôi huộc lòng phải tính tới việc xê gởi chia chẵn, vợ xa chồng mẹ lìa con, là vì hoàn-cảnh áp-bách, không làm như vậy thì không còn làm cách nào mà sống nổi nữa... »

Thầy ấy nói chưa hết câu đã rưng rưng nước

mắt. Thầy vừa bằng con, vừa hôn nhẹ nhẹ trên đầu nó, và lúc ấy chắc trong lòng thầy phải nát ngóu như trương mà chớ.

Nghe câu chuyện thương tâm trên này, tôi đau lòng không biết chừng nào, thì gần đây lại thấy tạp-chí *Đông-Nai*, có đăng một cái quảng-cáo như vậy:

Quảng-cáo việc riêng

« Một người thiếu-phu 19 tuổi, gương mặt « thương được, lấy chồng được 10 tháng, chưa hề « lần nào. Nay chồng có thất-nghiệp, vợ chồng hết « sức tranh-đấu với sự sống, mà cũng không tìm « được việc chi làm, nên hai vợ chồng đã điều-« đình ổn-thỏa với nhau: Vậy ai là người có chức « nghiệp, hoặc có tài-sản, mà trong gia-dinh thiếu « người nội-trợ, thì người đàn-bà nhỏ tuổi này sẽ « ưng làm chớng.

« Người đàn ông phải có đủ tư-cách, và trước « khi muốn làm vợ chồng phải cho cô biết xu-« hướng. Xin viết thư cho người chớng là: **Huỳnh-văn-Tài**, cây hiệu « Au Bon Relieur » 74 rue de Reims, Saigon, đưa lại.»

Đọc cái quảng-cáo trên này, có anh em nói: « Không phải là chuyện thiệt. Chắc ai đó muốn bày chuyện để giã-ngộ mà chơi với độc-giã... »

Phải, mới thấy cái quảng-cáo trên này, ai mà tin là sự có thiệt được? Nhưng tôi, vì đã có nghe một chuyện tương-tợ như chuyện đó rồi, tôi tin anh Huỳnh-văn-Tài nghèo, cũng đường đi rồi, không muốn để cho vợ cũng phải gánh chịu sự cay đắng vất vả với mình, nên sau khi nghĩ xa xét gần, cần phân lợi hại, liền cây tạp-chí *Đông-Nai* đăng giùm cái quảng-cáo « *nhượng-vợ* » ấy!

Có người nói anh Tài làm như vậy có ngu cái ý không tốt. Anh nghèo thiệt, nghèo đến nỗi phải dứt nghĩa tào-khang, chia tình phu-phu... song anh muốn làm sao đó thì làm, chớ ai lại mang mặt dạn mày dày đến nói với anh mà xin « lãnh vợ »?

Trước khi đăng cái quảng-cáo kia, chắc anh Tài cũng đã xét tới chỗ đó, xét tới chỗ đó rồi mà anh cũng cứ đăng là vì chắc anh có tính, biết đâu chừng mình đăng cái quảng-cáo này ra, sẽ có nhiều người hảo-tâm nghĩa-hiệp hiền rõ cảnh gia-dinh khổ-nạn của mình, sẽ xuất tiền ra cứu giúp mình mà làm nghĩa?

Người ta nghi anh Huỳnh-văn-Tài có sự không ngay thẳng, không phải là không đáng, vì người ta có biết anh Tài là người thế nào đâu?

Tôi không có quen biết với anh Huỳnh-văn-Tài

lần nào hết, song nếu tôi không làm, thì anh là người có giúp việc nhà-in, và lâu lâu có viết một bài « thời-sự » đăng báo. Người như anh Tài, không có lập tâm đăng quảng-cáo để kiếm tiền, mà vì nghèo túng, bối rối quá, không kịp nghĩ suy cho chính-chắn, anh vụt đăng cái quảng-cáo nhượng vợ, cho người đàn-bà trẻ tuổi và vô tội của anh khỏi phải vì chớng mà khổ cực.

Hôm nay, tôi không bắt anh Tài chớ « không thật thà » như nhiều người có lẽ nghi làm, hiểu lầm anh mà gia cho anh cái tiếng không sạch-sẻ ấy, tôi chỉ trách anh Tài về cái ý anh muốn « nhượng người yêu » của mình cho người khác đó mà thôi.

Không, anh Huỳnh-văn-Tài ơi, anh không nên « nhượng vợ » cho ai hết, vì những lẽ sau này:

1. Vợ anh đối với anh, cũng như anh đối với vợ anh, đều là người bạn trăm năm của nhau, chớ không có ai là chủ ai hết. Vợ anh không phải là một món đồ của anh sắm, lúc có tiền để dùng, lúc cùng túng đem bán cho người khác. Anh nghèo, anh « nhượng vợ » anh cho kẻ khác được, thì một cô nào đó nghèo, cũng « nhượng chồng » cho chị em được nữa sao? Anh làm như vậy tỏ rõ cái tâm-lý phân-biệt chớng vợ, tỏ rõ anh coi người làm chớng là trọng, làm vợ là khinh, chớ sự thiệt thì đời bây giờ, quyền hành ngôi thứ chớng vợ vẫn ngang nhau, bằng nhau như một.

2. Hơn một năm nay, nước ta mắc nạn kinh-tế khủng-hoàng, ở đồng cũng như ở chợ, bọn lao-động ta, từ người còn chỗ làm chi người thất-nghiệp, không có một người nào mà không khổn khổ, đói khát. Còn làm việc, lương hời trước mỗi tháng 120 \$ nay bớt còn ba bốn chục, người ta phải giảm bớt sự ăn mặc là thế nào? Người bị thất-nghiệp lại còn khổn nạn hơn nữa: vay mượn không ai dám cho, xin xỏ cũng không ai có tiền mà bố thí, cái cảnh của anh em thất-nghiệp hời này thật chẳng khác nào kẻ khát nước lạc vào sa-mạc, người đói cơm ở giữa nhị-ti!

Anh Tài! anh nghèo, nhưng chắc anh chỉ biết có gia-dinh anh thôi, chớ anh không ngờ ở trước mắt anh, ở quanh nhà anh, ở những nơi hang cùn ngõ hẻm giữa địa-phương Cholon-Saigon hãy còn trăm ngàn gia-dinh, trăm ngàn cặp vợ chồng, đói ăn khoai, bắp, khát uống nước phông-tên (fontaine), thức thì đi lang thang ngoài đường, ngủ thì dật dựa ở trước hàng ba, hoặc trong phố trống!

« Chớ chục bữa cơm rơi nước mắt, chuột rình bỏ lùa rụng lông heo » là cái cảnh khổ chung của

bọn làm vườn ăn tiền công chúng ta hời này, nào có phải riêng gì hai vợ chồng anh đâu?

Có buồn mới có vui, có cực mới có sướng. Ở đời, trừ những kẻ dẽ trên giường bạc, hủ tiền không kể, còn thì ai ra đời cũng với hai bàn tay không, mà hai bàn tay ấy há không phải là món khí-giới để nuôi mình, lập thân, của hết thấy anh em công nông hay sao?

Cùng bị kinh-tế khủng-hoàng, cùng gặp đường đời chớng gai, người ta sống được, mình cũng sống được, mình « phải » sống được!

Anh tính nhượng vợ cho người là anh chịu thua thời-cuộc, anh ỷ-lại vào người khác, mà anh quên nghĩ rằng những cái « người khác » đó, họ cũng như anh, song họ không ỷ lại vào ai, họ chưa chịu làm người bại-trận, họ vẫn còn hăng-hái phấn đấu với cuộc đời mất-mổ, bởi vì họ biết trước mặt và sau lưng họ bao giờ cũng có anh em công-nông nỗ lực phấn-đấu tới cùng.

3. Theo như tôi biết thì trên 30 năm rồi, không có năm nào mà nước ta khó cạn tiền bạc, dân ta đỡ khổ, cuộc sanh-hoạt ở xứ ta khó khăn nguy-hiểm như hời này. Khổ, khổ lắm, khổ đến nỗi không có tiếng gì mà tả ra cho đúng với cái trạng-thái của xứ ta, dân ta hời này, song ta nên bình-lâm xét lại, cái khổ của ta đây sánh với cái khổ của anh em lao-động Âu, Mỹ, nào có thấm tháy vào đâu? Người ta khổ mười, mình mới khổ có ba bốn.

Ở Saigon-Cholon hời này ta có thể kiếm một vài cái bạc được, mà với số tiền ấy, há ta không đủ sống một cách cực-khổ?

Tiền su bánh mì, một su chuối sừ, thế là xong bữa cơm chiều, su nhỏ khoai lang, một tô trà Huế, thế là yên bữa cơm trưa rồi đó.

Cái cách ăn uống — ăn uống dẽ mà sống — tôi vừa kể trên, ở Saigon không phải là ít người làm, mà những người ăn uống vất vả như vậy cũng không phải thiệt hại gì đến vệ-sanh, sức khoẻ.

4. Ở Pháp, dân nghèo nàn, đã đói khát lại còn phải chịu sự lạnh lùng mới thâm. Ban đêm, họ ngủ theo vườn cây, găm cầu, thế mà nào phải yên thân. Người ta xét giấy đuổi xua một đêm không biết mấy lượt.

Về việc làm ăn, tôi chỉ lấy một việc « câu cá » cũng đủ thấy khó khăn bao tổn lắm rồi. Muốn câu cá, không phải dụng chớ nào cũng thả câu được, mà phải tìm tới chỗ sông rạch nào cho phép câu mới câu được. Đã vậy, sông rạch bên ấy nước trong xanh, cá khôn lắm, muốn câu cho có cá, phải đi mua sợi nhợ màu xanh tiếp với màu nước cho cá

Công-chúa Tô-Lan

Tuồng « Công-chúa Tô-Lan » đã diễn trong đêm 3 Janvier rồi đây tại rạp hát Tây Saigon. Người ta đã đến xem đông.

Các vai tài-tử đóng tuồng rất khéo, được khán-giã khen ngợi.

Sau cuộc hát, có nhiều bạn quen tỏ ý bất-phục vở kịch ấy với tôi. Mấy bạn này cho tuồng không đúng với sự thật, vì :

1. Hoàng-đế Trung-huê mà sao không ra dáng Hoàng-đế nghiêm nghị, oai phượng, lại điệu cợt. Hoàng-đế gì mà *co chơn đả* quan cận-thần ?

2. Quan cận-thần sao chẳng nghiêm trang, tôn-kính vua mà lại giỡn hớt trước mặt vua và bôn với vua ?

3. Y-phục không hợp lắm.

Trước hết xin nhắc lại, tác-giã tuồng « Công-chúa Tô-Lan » là một người Ý, ông Carlo Gozzi. Người Ý mà đặt tuồng truyện Tàu, thì tự nhiên không sao khỏi sai chút đỉnh.

« Công-chúa Tô-Lan » là một tấn bi-hi-kịch (tragi-comédie) là một tấn kịch có lẫn sự vui, buồn. Nhưng hầu hết bi-hi-kịch đều có cái kết-cuộc vui. Thế thì trong tuồng này Hoàng-đế Anh-Tôn và hai quan cận thần Phan-Ngươn, Tạ-Thạch có điều làm cho khán-giã cười cũng không phải sai chỗ. Tôi có nói như vậy cho mấy bạn tôi nghe, thì họ lại không bằng lòng mà cãi nữa :

« Thiếu gì chuyện diều cho người ta cười mà lại diều bằng một cách kỳ như thế ! Hát làm vậy thì khán-giã Annam coi chớ mắt lắm. »

Nói như vậy lại càng lắm. Trong một trăm cách mà người viết hài-kịch dùng để chọc người ta cười cái dung ý trên đây là một cách khéo. Thế này là

lắm, phải đi mua mỗi nào cho thứ cá nào ưa, nội một việc đi câu nhỏ mọn đã thấy tốn gần đồng bạc. Công việc làm ăn ở xứ mình có khó đến nước ấy chẳng ?

5. Dầu chi đi nữa, anh Tài cũng có thể kiếm vài đồng bạc được. Với hai đồng bạc, tôi tưởng nếu vợ chồng chịu khó làm vốn bán bún, bán bánh, trái chẳng hạn, thế nào cũng bán được và lời mỗi ngày vài ba cật bạc đủ sống.

Tóm lại, hỏi này ai sống cũng đều là sống gương mà chờ thời, chờ không ai sung sướng, chỉ riêng hai vợ chồng anh bị cực khổ mà buồn lòng khuôn-chí, kêu người nhượng vợ ! — V. H.

chọc cười bằng cái tương-phản (effet de contraste). Một ông vua xiêm y rực rỡ, « tướng mạo đường đường », râu trắng phếu, mà khi tức giận, tự nhiên *co chơn đả* quan Tể-tướng một đá, mà lại *đả lên* như một người thường nào, thế có làm cho người cười không ? Sự nào thiệt là bất ngờ thì mình lại cười nhiều. Đến hai ông Tể-tướng kia cũng vậy, quan sao chẳng nghiêm-nghị oai-nghi mà trái lại, họ vút-vật, nhảy lên nhảy xuống, cà-làm, cà-lập, thì không làm cho mình cười sao được ?

« Cười vậy sao nên ! Biết rằng vì tức cười mà cười, nhưng tại cái kỳ đó, cái sai với sự thật, nên mình mới cười. Ủ, cười thì chúng tôi cũng cười như kẻ khác, song chúng tôi phản-kháng cái cười ấy. »

Mấy bạn tôi thiệt có cái óc quán-chủ cứng khur khur. Đây có lẽ là cái dấu vết của ông-bà tổ-tiên ta để lại, cái *quan-niệm vua tôi* khấn in trong trí của người mình trải mấy ngàn năm dưới quyền phụ thuộc nước Tàu, dưới cái chế-độ quân-chủ, quan-niệm mà từ mấy chục năm nay, thời-kỳ của dân-chủ bằng bột chưa đánh-đổ được.

Xưa nay, người mình coi vua chúa như thần thánh, nghĩa là khác hẳn với người thờ g, nghĩa là không có tật xấu, chẳng có vui buồn giống như thường nhơn, mấy người bạn tôi không bằng lòng vì thấy vua Anh-Tôn đá xéo, hay cười. Họ la : « Vua dẫu có như vậy ? »

Sao lại không ? Nếu trong hàng vua chúa mà có ông như Lê-ngọc-Triều nước ta, lấy mả róc trên đầu thầy sãi, có ông như Trụ-vương, đổ rượu trong hồ cho người ta tắm, thì một ông vua như Hoàng-đế Anh-Tôn, tánh nóng, lòng hiền, giận thì đá, vui thì cười, có gì là phi-lý ? Thêm nữa mấy cái « đặc sắc » này lại biểu hiện rõ cái tánh tình của vua cha và cất nghĩa cho ta biết làm sao có một nàng công-chúa như Tô-Lan. Tại Anh-Tôn hiền đức, cung con quá, công-chúa mới cử khôi, mới được phép lập Tuyên-phu-lâu để treo đầu các hoàng-tử ! Rồi cũng tại tánh vua dễ như vậy, các quan cận-thần mới « hí hờn » tới ngày. ...

Đến như y-phục không hợp lắm thì ta nên chăm chế vì cuộc hát này cốt là hát giúp các ban Cứu-tế, nên chẳng dám xuất số phí nhiều.

Đến thứ bảy 13 Janvier này sẽ có một đêm hát nữa và đến lối đầu tháng Février còn có một ban tài-tử Nam-kỳ cũng diễn tuồng hát này, tại rạp hát Tây.

Anh em chị em ai chưa có đến xem thì cũng nên thưởng-thức thử vở kịch này vì là lần thứ nhứt, mà người mình diễn một tuồng theo lối cổ-diễn (pièce classique) — NGUYỄN-THỊ-KIỆM

Thiện-Chiều hoàn-tục

Nhứt thiết vô Niết-bàn.
Vô-hữu Niết-bàn-Phật.
Vô-hữu Phật-Niết-bàn.

Lãng-già kinh

Thời, nếu tôi không hiểu lầm kinh Lãng-già, không có cái gì là Niết-Bàn ; không có Phật gì là Phật ở Niết-Bàn ; không có Niết-Bàn gì là Niết-Bàn của Phật.

Tôi nhớ đến câu này, và nhớ luôn đến « sư » Thiện-Chiều, một hôm tôi đi xem tượng Phật to, ở Colombo, thuộc xứ Lãng-già (Ceylan). Nhớ như vậy, thời khi nghe « sư » hoàn tục không có gì là lạ cho tôi. Nay tôi muốn hiểu rõ hơn một cái tinh-thần khủng-hoảng, vì nó còn là một cái bệnh chung của hằng vạn người xứ này.

Mấy dòng dưới đây, sẽ nhiều về chỗ nhớ chuyện riêng, xin kẻ-đọc lượng thứ. Mà có lẽ nhờ những chuyện riêng, mới dễ hiểu sự hoàn-tục của ông Thiện-Chiều.

Ông, nơi chùa Linh-sơn, đã bỏ cái thói ngu-muội đổi giấy tiền vàng bạc, bỏ cái thói ngu-muội thờ mọc-ngầu thần-vị. Tượng Phật để bàn, ông cho nó ra ngồi lóc-cóc ở ngoài vườn chùa, tấp gió ầm sương. Thời cái hình-thức ấy, cũng đủ cho ta đoán được cái « ngày nay » của « sư » Thiện-Chiều rồi vậy.

Còn nếu biết được cái người cực-lực chủ-trương « Phật-giáo vô-thần », thời tức-khắc hiểu cái mầm *duy-vật* nó đã nảy ra trong tư-tưởng của « sư » từ lâu trước.

Một hôm, hay là nhiều hôm, « sư » cùng họ Mai — một người tôn trọng thân ái của tôi — luận mấy chữ « tri bất đắc hữu, vô » trong kinh Lãng-già, « sư » đã nhận rằng nói « vô » tất hiểu ngầm là có « hữu ».

Nói có không, dẫu vậy, chắc « sư » cũng còn nghi mà bãng-khoãn. Chung quanh mình thời tin-đồ tăng-lữ đương gặt gù say-lỉnh trong cái không-khí khói trầm bụi hương, chắc « sư » cũng còn nghi mà dự-dự. Trước mặt bên mình « sư » lại còn những kẻ thanh-niên tân học tu-trì, như ông Mồ, làm việc ở sở Mồ của nhà-nước, đương đề tóc ra dài dặng bời lên, chắc sư cũng còn nghi mà áy-náy.

Từ bé ở chùa, đập cái hoàn-cảnh ấy mà đi, phải có thật-tế đập vào mình mới đập được.

Ba năm trước đây, bạn tôi, ông giáo Hữu-Tông Viên-Đề về Nhứt-bồn, có nhờ tôi giới-thiệu cho tăng-lữ ở Saigon. Tôi không biết giới-thiệu cho ai, bèn nhờ « sư » Thiện-Chiều. Hữu-Tông quân, rồi khi ra khỏi Vũng-lâu cấp thơ cho tôi, nói rằng được « sư » Thiện-Chiều tiếp nơi chùa Xóm-Thước, thì tôi đã đoán được rằng « sư » phải bỏ cái hoàn-cảnh « dị-đoan » của chùa Linh-sơn, và sắp bỏ hết mọi chùa.

Nhưng nội khứ lưu, lúc bấy giờ hẳn cũng bận lòng « sư ». Tinh-thần khủng-hoảng chắc cũng phải trải qua một lúc thống-khổ.

Gần đây, lại thấy « sư » xuất bản quyển kinh Lãng-Nghiêm lược cử những chỗ bi-ảo trong thuyết « trung luận » của đại-thừa phật-giáo.

Trung-luận nghĩa là không chấp có, mà cũng không chấp không, mà là một cái thuyết duy-tâm tuyệt-đích (idéalisme absolu) qui hết cả có và không vào trong lòng. Lòng tức là tư-duy (la pensée) vậy. Đọc mấy chỗ « hỏi lòng » trong quyển Lãng-Nghiêm không thể không nhớ câu trữ-danh của Descartes : « Tôi tư duy, vậy thời tôi có. » — (Je pense, donc je suis).

Các môn phái nghịch, ông-ông lên phản-đối cái thuyết « phật giáo vô-thần », mà nó biết cái chỗ tuyệt-đích duy-tâm của Thiện-Chiều. Còn trong mộng, còn chết dở sống say, còn thờ mắt, thờ cây, mà phản-đối thuyết phật-giáo vô thần thời phản-đối làm sao được ! Jules Lachelier, một hôm phê bài của Emile Boutroux có câu : « Muốn hiểu một cái học thuyết, thời điều-kiện thứ nhứt cố-nhiên là phải vào trong học-thuyết ấy, mà điều-kiện thứ hai là phải ra cho khỏi học-thuyết ấy. »

(Pour comprendre un système, la première condition est certainement d'y entrer, mais la seconde est d'en sortir.)

Các môn phái phản-đối Thiện-Chiều, chưa có phái nào là phải nói được câu của Lachelier.

Duy gần đây, ở trong Phụ-nữ Tân-văn, bạn X.X. phê-bình quyển Lãng-Nghiêm, chỉ nó là một cái thuyết tuyệt-đích duy-tâm. « Sư » Thiện-Chiều không trả lời, vì bài phê-bình kia ra, thời « sư » đã hoàn-tục rồi, đã không nhìn-nhận tuyệt-đích duy-tâm nữa rồi.

Muốn nhờ « sư » cất-nghĩa sự hoàn-tục của « sư », thời « sư » nói không cần, vì cất nghĩa thời phải bày phật-giáo ra, bày duy-tâm-luận ra, thành một sự viễn-vông quá. Tôi bèn đem chuyện Alfred Loisy là một nhà cổ đạo, bỏ áo giòng, trở nên một vị giáo-sư đại-danh ở Collège de France ; viết nhiều sách rất có giá-trị, trong ấy có quyển La Religion (Tôn-giáo) xuất bản vào năm 1906, là trữ-danh, nhứt là về triết-học phân-tích (analyse philosophique). « Sư » nghe, không đáp, mà vờ cười.

Nay thấy báo Phụ-nữ Tân-văn (14 Décembre), và nhiều báo khác đăng bài phỏng-vấn « sư », mới hiểu, là có một cái triết-học mới cái triết-học biện-chứng pháp duy-vật-luận nó thay vào phật-lý rồi nơi « sư ». Bước đường trước mắt, đã rẽ ra khỏi lối thần-bí. Mong cho « sư » đã « Giải-quyết xong nỗi bận lòng triết-lý » (liquider sa conscience philosophique) như một nhà xã-hội-học kia đã nói.

PHAN-VÂN-HỢP

Sự sanh hoạt của hội Dục anh và lòng từ thiện của đồng bào

Hội hoạt động

Ngày 25 Septembre 1933, hội Dục-anh của phụ-nữ Việt-nam đã mở thêm một viện số 2 tại đường d'Arrol số 24 Saigon. Mục-đích viện này cũng như viện số 1, là lãnh trông nom, nuôi nấng con trẻ nghèo. Viện số 2 mở ra là được rất nhiều con trẻ đến ở, càng ngày càng thêm đông.

Mỗi ngày đều có người trong ban trị-sự đến xem xét mỗi viện.

Buổi nhòm thường lệ vào hôm cuối tháng Décembre, các việc chi tiêu đầu đó đều rành rẽ. Ngoài ra, ban trị-sự hội có quyết định làm mấy việc: Cũng như năm ngoài, đến ngày 3 Février 1934 Hội cũng sẽ thiết lễ Cây mùa xuân trọng thể.

b) Nghĩ vì Hội thành lập đã được hơn một năm nay mà chưa làm lễ khánh-thành, vậy nên năm nay chọn dịp lễ Cây mùa xuân, Hội sẽ làm lễ khánh-thành luôn một thể.

c) Hội cũng sẽ xin phép chánh-phủ mà lập Hội-chợ để lấy huê-lợi cho Hội, và tổ-chức vào đêm hát tại nhà hát tây. Các điều bản xét, đều được Hội ưng chuẩn, và sẽ theo thứ tự mà tiến-hành.

Lòng từ-thiện của đồng bào đối với hội Dục-anh

Ngày 25 Septembre 1933 bà Nguyễn-thị-Nhân Saigon, có đến viếng thăm viện và bà có cho Hội một số bạc là 12\$.

Ngày 19 Octobre 1933 bà bà có Alexis Lân Saigon có gửi đến đến Hội một số bạc là 10\$, bà và có còn hứa, dịp khác sẽ còn giúp Hội.

Ngày 30 Octobre 1933 bà Lê-thành-Thân Gladinh có đến trao 5\$ cho Hội để mua bánh sữa cho con trẻ.

Ngày 26 Décembre 1933, bà Trang-sư Dương-vân-Giáo Saigon có gửi đến Hội một bức thư tán thành việc Hội và một số bạc 20\$ bà cho Hội.

Hội lại rất may mắn mà được một bạn đồng-hi là bà Tân-hàm-Phục tri-huyện Saigon. Bà huyện Phục là người nhơn đức rất nhiều. Thấy lần bà vẫn hay các việc làm của hội Dục-anh do phụ-nữ Việt-nam xướng lập, bà đem lòng ham mê mà muốn đến giúp sức với Hội để làm theo cái chí muốn của mình. Nhưng vì bà mắc bận nuôi con mọn của bà, vì em bé của bà rất hay đau ốm mà chỉ muốn của bà không đạt.

Ngày nay đứa con yêu quý của bà chẳng may bất hạnh đi rồi, bà bèn nhiệt tình xin Hội nhậm lời cho bà luôn luôn đến viện săn sóc trẻ con.

Bà muốn lấy cái lòng thảo của người mẹ hiền săn sóc con mà săn sóc lũ trẻ khốn cùng ở viện.

Bên hội Kinh miễn tâm lòng qui hóa của bà có ngộ ý mời bà về chun ban Trị-sự thì bà nhất định từ chối. Thật bà là một người phụ-nữ hiếm có.

Hội chúng tôi trân trọng có lời cảm ơn chung qui bà qui có luôn luôn nghĩ đến đến Hội.

Lễ Cây Mùa Xuân

Mùa xuân năm nay, bốn Hội cũng chiếu lệ sẽ thiết lễ Cây mùa xuân vào ngày 3 Février 1934. Lễ Cây mùa xuân năm nay cũng làm như năm ngoài, nghĩa là phát đồ chơi, đồ ăn, và quần áo.

Tuy bề tôi-chính Hội ít ỏi, nhưng chúng tôi vẫn tin ở lòng hào nghĩa của đồng-bào. Chúng tôi xin qui ông qui bà tưởng

CHUYỆN VUI

Bất nơn thì thôi

Bác Xùm ở dưới tỉnh lên Saigon chơi, may lại gặp lễ Đình-chiến. Tối hôm ấy bác sửa soạn đi ngủ sớm để ngày mai thức dậy sớm mà dự lễ diễn binh (la revue des troupes) ... Sáng mai, trời vừa rạng sáng, bác ta chỗi dậy, rửa mặt, gỡ đầu, uống nước trà, hút thuốc.

Xong, xách cây dù bước ra cửa. Bác Xùm nhớ đến hồ-bao có bạc thì sợ. À! à! đất thị thành lắm nguy hiểm, không khéo thì bị quân đang-diểm nó xốt hồ-bao đi! Bác tính đem túi tiền gói cho con cứt, tính vậy rồi lại sợ con có tánh hay rờ rẫm nên lại tính đem theo. Tính đi tính lại như vậy một hồi lâu, sau chót bác nhất định đem theo. Ra đi, mang tay thì rờ chừng túi tiền, mắt ngó lom lom, người đi mà đi lạc nẻo. Chừng bác tới đường Norodom thì trời đã nắng gắt, chẳng thấy một con ngựa, một cái xe, một ông quan tây nào. Ngó giơn giác, bác Xùm mới nói: « Là dữ cả! năm nay họ diễn binh trễ quá! » Rồi bác mới lần lần đi tới trại lính, gặp một chủ lính Annam mới chấp tay hỏi:

— « Thưa cậu, chừng nào mới diễn binh? »
 Cậu lính ngó bác Xùm từ đôi giày hàm-ếch cho tới cái đầu tóc cón con rồi chằm chằm trả lời:
 — Qua sang năm, quan lớn à! ...

Lợi-dụng Tạo-hóa

— Anh Tám à, tôi nghĩ bây giờ có con đồng cho nó đi học thiệt tốn tiền hết sức. Nhất là anh đây, anh có hai đứa sanh-đôi với ba đứa độc chiết.
 — Mấy đứa sau thì như con người ta. Còn hai đứa sanh đôi, tôi tính làm vậy anh nghĩ được hôn? Một đứa đi học sớm mai, một đứa đi học buổi chiều. Hai đứa được đi học hết mà tôi trả tiền có phân nữa, vì nó giống nhau hết, họ sẽ tưởng là một thặng mà thôi!

đến lũ trẻ khốn nạn mà giúp sức cho chúng tôi được làm cho thònh sự.

Qui ngài gửi cho tiền bạc hay đồ ăn, đồ mặc, đồ chơi chi cũng được. Bên hội lấy làm trân trọng cảm-ơn.

Mùa xuân năm nay cũng như mùa xuân năm ngoài. Hội chúng tôi rất tin ở nơi lòng hào-nghĩa của đồng bào và giúp, mà chắc thổ nào Cây mùa xuân năm nay cũng sẽ hơn Cây mùa xuân năm ngoài gấp hai.

Kể từ nay qui ngài có thể gửi cho đồ hay tiền đến cho bà Đốc phủ Thu Hội trưởng hội Dục-anh 58, rue de Massiges Saigon hay gửi cho bà Nguyễn đức-Nhuận chủ báo Phụ-nữ Tân-vân, 65, rue de Massiges, Saigon.

HỘI DỤC-ANH

TỤC NHẢY ĐÀM NGÓ BẰNG CON MẮT TRIẾT-HỌC

Ba bốn năm trở lại đây, mấy nơi phồn-hoa đô-hội trong xứ ta như Saigon và Hanói đã thấy nhiều nhà nhảy đầm của người Annam mình lập ra và đồng-bào thanh-niên nam nữ ta gần đây ham đàng-xê (danser) vô số.

Mấy nhà đạo-đức xưa, thấy vậy thường than thở ta trời, cho sự nhảy đầm là một cách chơi có hại lớn cho phong-hóa. Nó dễ đưa trai gái vào con đường đàng-dăng giục-tinh.

Tôi tưởng họ kết án như vậy cũng đáng lắm. Song ta nên biết khiêu-vô vốn là một môn mỹ-thuật, nó giúp cho người ta tập rèn thân thể nở nang-gân cốt, và có ích cho thanh-niên nam nữ về mặt xã-hội giao-tế nữa.

Cải lợi trên nhiều hơn cái lợi dưới. Chỉ tại có một số thanh-niên tục-lần, lợi-dụng điệu chơi phong-nhã làm thành ra điệu chơi có hại và mang tiếng với đời, chớ nguyên-lai tục khiêu-vô không phải là một tệ-tục như người ta tưởng đâu.

Mấy cậu mấy cô nào mượn cái thú khiêu-vô để làm nức thang chọc gái gò mèo, thì đáng chê họ thiệt sống còn những người cao-thượng cốt vì sự

thể-thao và sự giao-tế mà tìm thú khiêu-vô chơi, nếu mình nghĩ cho nhất thiết là vậy, thì oan cho họ lắm.

Ài thức-thời một chút, chắc cũng dự biết rằng tục khiêu-vô ở xứ mình bây giờ, cũng như nhiều tụ: mới khác, càng ngày càng thêm ra thì có, chớ không có thể gì trừ hẳn đi được đâu. Nếu quã có bọn thanh-niên hiểu lắm cái ý-nghĩa của thú chơi này mà mau tâm đàng-dăng, thì ta làm sao phân-trần cănb-tính, để cho họ hiểu cái ý-nghĩa của nó, tức thì những cái tà-tâm tư-giục của họ tự nhiên phải tiêu đi. Từ đây trở đi, những tục

mới của phương Tây mỗi ngày một tiêm-nhiêm truyền-bá vào xứ ta, là lẽ tất-nhiên; nó hình như những lượn sóng lớn đánh tràn vô mé bờ, ta chỉ có cách xây bờ đắp đê, ngăn nước đừng tràn vào đồng ruộng quá nhiều là may, chớ có thể nào ngăn căn lượn sóng đừng đánh cho được.

Bởi nghĩ như thế, nên tôi muốn đem câu chuyện khiêu-vô ra đàm luận, cốt lấy con mắt triết-học mà xem xét nó; giữa lúc nhiều anh em chị em

đang bèn mùi nhảy đầm, có lẽ bài này cũng có ích cho nhơn-tâm phong-bóa ít nhiều vậy.

I.— Tục khiêu-vô của Trung-quốc đời xưa

Nước Tàu đời cổ cũng có khiêu-vô rồi, chớ phải không sao. Nước ta cũng thế, vì ta theo văn hóa lễ nghi của Tàu, tự nhiên ta cũng đã bắt chước họ mà có khiêu-vô vậy.

Các bậc thánh-hiền Trung-quốc ngày xưa, chỉ trừ họ Mặc (1) là chê âm-nhạc mà thôi, còn thì ai đối với mỹ-thuật cũng tỏ lòng sùng-thượng lắm. Bộ Nhạc-ký, thật là một nền mỹ-thuật triết-học rất thuần-túy của Trung-quốc cổ-thời, trong đó

chẳng những đủ nhìn nhận những thơ, ca, âm, nhạc, có địa-vị đặc-biệt ở trong mỹ-thuật; ngay tới tục khiêu-vô mà hiện-thời chúng ta có người ham kể chề đây, đời xưa vốn là một điển-lễ thông-dụng ở nước Tàu rồi.

Thiệt vậy, ta đọc ngũ-kinh tứ-thơ, thấy chép những việc đờn ca nhảy múa thiếu gì. Ví dụ như múa Bát-dật (八佾) mà hiện nay triều-đình vua

(1)— Mặc-Địch, một nhà triết-học đồng thời với Khổng-Tử, đã từng đi hô hào hòa-bình và phản-đối chiến-tranh, y như công cuộc mà Âu, Mỹ đang làm bây giờ.



Cuộc khiêu vũ ở nơi vườn ruộng sau này

ta vào dùng, ấy chính là một điệu khiêu-vũ đó. Hay là tục múa hát gọi là « mùa xòe » của chị em ở tỉnh Hòa-bình ngoài Bắc, ấy là một điệu khiêu-vũ riêng của ta.

Có điều là ở Trung-quốc ngày xưa, cuộc khiêu-vũ phần nhiều vì việc tế tự mà đặt ra. Nhà-nước có đặt ra chức quan riêng, gọi là « vũ sư » chuyên việc dạy bảo tập rèn các điệu nhảy múa.

Nhảy múa có nhiều điệu lắm; theo sách *Châu-quan* (周官), thì đại-khái có 6 điệu:

帔舞, cầm cây phất mà múa
羽舞, cầm cây làm bằng lông trĩ mà múa
皇舞, múa bằng quạt lông ngũ sắc
旌舞, múa cờ
干舞, múa quân
人舞, người múa bằng tay

Ngoài ông thầy dạy múa gọi là « vũ sư » lại có ông thầy chuyên dạy âm-nhạc, gọi là « nhạc sư ».

Ngày nay Tây-phương bàn về mỹ-thuật, thường nói chung cả khiêu-vũ và âm-nhạc có quan-hệ với nhau như thế hai chị em ruột thịt. Không những hai môn đó cùng đi với nhau, mà nó lại cùng tự trong tinh-thần của người ta mà xuất-phát ra.

Âm-nhạc lấy « tiếng » để tỏ tình; khiêu-vũ lấy « dáng » để tỏ tình. Tuy là cách thức bày tỏ ra ngoài không giống nhau, nhưng cái bản-chất bày tỏ ra thì là một. Âm với Dung (hay là tiếng với dáng) đã cùng liên lạc, tức là Nhạc với Múa cũng không thể đi riêng một mình được.

Nhạc-ký nói rằng: « Người ta nói không thì không đủ tỏ tình, cho nên phải xướng hát; xướng hát cũng chưa đủ, cho nên phải thở than; thở than chưa đủ, cho nên không để tay múa men chơn nhảy nhót. »

Tay chơn nhảy múa, ấy là tình-cảm của người ta tỏ ra đến chỗ hết sức nồng nàn. Đến đời hát chưa đủ tỏ ra tình cảm, nên phải thở than, mà thở than cũng chưa đủ tỏ ra tình cảm, nên phải nhảy múa; vậy thì tỏ ra sự nhảy múa là sự tỏ bày tình cảm ra thâm thúy hơn hết.

Nhảy múa đã là một cách bày tỏ thâm tình ra, cho nên phẩm tánh của con người cao hay thấp, phong tục của một dân-tộc tốt hay xấu, tự-nhiên có thể xem cách nhảy múa của họ mà biết được. Bởi vậy Nhạc-ký đã nói: « Xem cách múa mà biết tới đức ». »

Tại sao lại xem cách nhảy múa mà biết tới đức? Ấy là vì nhảy múa với âm-nhạc thì-ca, đều là tự trong lòng phát ra. Có cái tốt xấu hay dở bên

trong, tất nó lộ ra bên ngoài; thành ra xem bên ngoài mà biết được bên trong.

Lại thử nghe lời Nhạc-ký:

« Thơ là nói chí; ca là vịnh tiếng; múa là động dung. Ba cái đó gốc ở trong lòng trước, rồi sau mới lấy đồ âm nhạc nọ kia họa theo. Bởi đó cho nên hề cái tình mà sâu thì tỏ ra bên ngoài có vẻ sáng láng; cái khí mà thanh thì nó hóa cả tinh-thần. Sự hòa thuận chứa bên trong, thì vẻ anh hoa phát ra bên ngoài; chỉ duy có âm nhạc là không thể giả-dối được. »

Ta xem đại-khái như thế, thì đời xưa nước Tàu và nước ta đã từng có tục khiêu-vũ rồi. Chỉ bởi ngày xưa mình vì tế-tự mà bày ra khiêu-vũ, rồi sau không như bên Tây-phương, họ bày ra khiêu-vũ do ở « tôn-giáo » mà biến làm « dân-chúng », thành ra xã-hội Trung-quốc và xã-hội ta xưa nay chưa có cái tục « dân-gian khiêu-vũ » mà thôi.

Từ lúc ta có văn-hóa phương Tây tràn vào, luôn cả tục khiêu-vũ và điệu âm-nhạc cũng tràn vào theo. Bây giờ ở tỉnh thành đã có nhà nhảy đầm và có hạng nam nữ tân-thời ưa nhảy đầm rồi, hề văn-hóa mới càng ngày càng thanh trong xã-hội ta thì nay mai cái thú khiêu-vũ sẽ tràn khắp dân-gian, mà trở nên có tục « dân-gian khiêu-vũ », chứ không khỏi được.

Tuy có nhiều người ghét sự nhảy múa mặc lòng nhưng ta nên biết khiêu-vũ cũng là một môn mỹ-thuật như âm nhạc, như thi-ca, như môn vẽ hình, như nghề đục chạm, khoa kiến-trúc vậy. Ta đã biết những cái này là hay, thì ta cũng nên biết cái kia nó có chỗ lợi hại thế nào, nghĩa là ta nên nghiên-cứu thử, chứ mới thấy đã chê dè đi không được.

Khiêu-vũ đối với cuộc sanh-hoạt của đời người cũng có lắm chỗ quan-hệ; sự vui chơi tiêu khiển chẳng nói làm gì, nhưng nó có thể làm môn khí-cụ để điều hòa hai phái: nam nữ và giúp cho hai bên dễ hiểu biết quý trọng lẫn nhau.

Lấy con mắt về mỹ-học mà nói thì khiêu-vũ là mỹ-thuật.

Lấy con mắt xã-hội, thì khiêu-vũ là cách vui chơi công cộng.

Lấy con mắt tâm-lý, thì khiêu-vũ là một cách điều hòa êm dịu được tánh giục.

Lấy con mắt thể-thao mà nói, thì khiêu-vũ là một cách vận-tạng khắp cả thân thể con người.

Những người phản-đối khiêu-vũ, nói rằng trai gái ôm nhau mà nhảy, dễ khiến động tới tánh muốn lòng tà. Song những người ham mộ khiêu

vũ một cách đúng đắn trong sạch thì họ nói khác, vì họ đã có kinh-nghiệm. Họ nói trai gái ở không, mới hay động lòng tình-giục, chứ khi nhảy múa thì không có nữa, là vì lúc đó họ lo vận-dộng châu-thân, tai nghe đờn mà đi, trí để vào sự nhịp nhàng cho đúng, vậy còn tâm-tư ý-tưởng nào nghĩ tới tình-giục được nữa. Bởi vậy họ cho những người phản-đối, tại chưa biết tới cái chơn-thú đó thôi.

Tôi nghe những người ham chơi khiêu-vũ nói vậy thì ghi chép ra đây, chứ không phải là tìm lấy cái cơ đặng khuyến-khích đồng bào về thú khiêu-vũ đâu. Độc-giả nên biết người viết bài này chính là người không ưa khiêu-vũ chút nào. Không ưa mặc lòng, tưởng ta cũng nên nghiên-cứu và cũng phải nhìn nhận nó là một môn mỹ-thuật mới được.

II. — Khiêu-vũ ở Âu-châu.

Xưa nay, các nhà văn-học Âu-châu viết sách nghiên-cứu về cái thú khiêu-vũ rất nhiều. Nó xảy thành một nền văn-học khiêu-vũ.

Tục khiêu-vũ bên Tây-phương, khởi đầu từ tôn-giáo mà đẻ ra.

Sau khi giống người Israel đã định-cư tại Palestine rồi, thì mỗi năm họ bày ra điển-lễ tôn-giáo ở đất Shiloh, trai gái quanh miền đều xúm lại nhảy múa ca hát để giúp vào cuộc tế-lễ.

Người Hy-lạp xưa cũng lấy khiêu-vũ làm một môn lễ tôn-giáo, nhưng cũng có khi họ chỉ cầu lấy sự vui chơi giải trí, chứ không có ý-nghĩa tôn-giáo chút nào. Như lệ mỗi năm tới kỳ tân-xuân, thì người Hy-lạp bày ra cuộc nhảy múa vui mừng gọi là « Múa Hoa-thần » (Danse de Fleurs). Lại còn có thứ gọi là « Quân-vũ » (Danse militaire), từ lứa tuổi 5 tuổi đã phải bắt đầu tập múa, nào là điệu đầm, nào là cách bắn, nào là trận thủ, nào là thế công; cốt lấy khiêu-vũ để rèn tập nghiệp võ việc binh cho dần.

Nhà triết-học Platon xưa, nghiên-cứu về khiêu-vũ, đại-khái ý-kiến của ông cũng gần giống như mấy lời trong Nhạc-ký của Tàu đã kể ra trên đây.

Ta nên biết bất cứ mỹ-thuật gì, cũng có thể trở nên đời tẻ thối lui hết thảy. Nhất là khiêu-vũ càng dễ sanh ra những sự không tốt. Từ đời thượng-cổ, khiêu-vũ nguyên là một sự có ý-nghĩa cử-chỉ rất hay, nhưng đến đời La-mã, nó đã thối lui sanh tệ ra nhiều, khiến cho bực hiền-nhơn quân-tử đời đó phải than-phiền công-kích.

Có lần vua La-mã đã đuổi mấy nhà khiêu-vũ chuyên-môn ra khỏi kinh-thành. Nhà hưng biện

đại-danh là Ciceron từng hạch tội ông Galbinus nói rằng người cầm quyền chánh nhà-nước trong tay, sao lại đi nhảy múa là nghĩa lý gì. Ông Ciceron phê-bình khiêu-vũ, cho nó là bè bạn của những quân đâm bôn, diên đại, phóng túng, xa-hoa.

Ông ta cho khiêu-vũ là môn đâm-loạn phóng túng, thì lẽ tự-nhiên là ông không nhìn nhận cho nó là mỹ-thuật. Vì chính là mỹ-thuật thì đâu có gì đâm-loạn phóng túng. Phàm cái gì đâm-loạn phóng túng, thì không phải là mỹ-thuật. Chỉ duy có sự khiêu-vũ trong sạch đúng đắn, mới phải là mỹ-thuật mà thôi. Điều đó các nhà học-vấn đều công-nhận.

Đến đời La-mã, tục khiêu-vũ sanh ra quá trỗi tàn hủ bại, đã mất cái giá-trị chơn-chánh của nó đi, cho nên Ciceron nổi lên công-kích là đúng lắm. Ông ta ghét khiêu-vũ đến đời nói rằng: « Một người thanh-bạch, trừ phi lúc nó hóa điên không nói, còn thì không bước chơn tới đám hội khiêu-vũ bao giờ, dầu ở nhà riêng ai hay là lúc có yến-hội lớn cũng vậy ». Nếu ông Ciceron tái-sanh ra đời nay, ngó thấy cách thức thói tục nhảy đầm của chúng ta, chắc ông còn chửi thếu trời nữa.

Cái tục « tôn-giáo khiêu-vũ » đời xưa, ở Âu-châu còn có nước giữ lại, như là Tây-ban-nha, cũng có nước bỏ đi đã lâu, như Pháp-quốc đã bãi từ hồi thập nhị thế-kỷ.

Từ năm 1662, nước Pháp lập ra viện « Hoàng thất khiêu-vũ » (Académie de Danse royale) ở kinh thành Ba-ri rồi trở về sau, thì khiêu-vũ chẳng những là môn mỹ-thuật chuyên-môn mà thôi, lại trở nên môn mỹ-thuật quốc-gia nữa.

Sau lúc Âu-chiến tới giờ, cuộc chơi khiêu-vũ ở Âu-châu càng thanh hành hơn trước. Người ta trải qua một phen chiến-tranh tai hại, ai nấy liêu tuy ngã nghiêng, không còn có thú gì vui chơi; họ chỉ tìm ở trong cách chơi khiêu-vũ để lấy chút tươi cười khuấy lãng. Sở dĩ các đô-thị lớn của họ bây giờ, nhà nhảy đầm mở ra càng ngày càng nhiều, là bởi nguyên-nhơn đó.

Ở các nước bên Âu-châu, trường nữ-học nào cũng có kèm theo một khoa khiêu-vũ, coi trọng như là khoa âm-nhạc và khoa đồ-họa. Ngoài ra có nhiều người lập ra trường khiêu-vũ riêng, cốt dạy điệu chơi ấy cho người ta. Ta coi người Âu-châu ham mê sùng-thượng mỹ-thuật đến thế là cùng.

Trên kia tôi đã nói làn sóng Âu Mỹ nó cứ tràn vào xứ ta, tự nhiên những cái tập tục xưa của ta phải vì đó mà biến hóa tiêu diệt dần đi, để chỗ cho

Nhà thương-thí ngừa bệnh lao

Những sự kết quả trong vòng 3 tháng

Trên mặt báo này, chúng tôi đã cõ-động không biết bao nhiêu lần cho con Cò Bài Lao. Chúng tôi đã vạch chỉ mục-dịch tối cao của nó, và những việc lợi ích nó có thể giúp cho dân ta được. Những bài cõ-động ấy không phải là vô ích, vô hiệu-quả đâu. Ở xa đã có lắm vị độc-giả gửi thơ đến tán dương công cuộc ấy.

Lại nhiều vị độc-giả nhờ coi báo thấy chúng tôi nói về nhà thương thí trị bệnh lao, nên ở tận miền Hậu-giang đến Saigon xin coi mạch, biết rằng năm mươi đồng chẳng tốn là bao, đi coi mạch cho biết có bệnh hay không mà ngừa thì quý lắm.

Song những bài báo của chúng tôi chưa có hiệu-quả hoàn toàn đâu. Số độc-giả của chúng tôi hiểu sự ích-lợi của Cò Bài Lao thì rất nhiều, nhưng chưa chắc gì nhiều hơn số người chưa biết. Trong số sau này, có nhiều người đi đầu làng đến cuối xóm mà truyền rao: « Cò Bài Lao, bán được bao nhiêu tiền gửi hết về bên Pháp. »

Chúng tôi đã lập đi lập lại rằng tiền bán Cò Bài Lao không phải gửi hết về bên Pháp mà chỉ gửi có 5/1. Gặp những kẻ đồn đãi như trên kia, chúng tôi phải bỏ tay mà chịu; có muốn chống lại với những lời đồn ấy đi nữa, thì cũng chỉ biết viết bài báo cõ-động thêm cho Cò Bài Lao nhiều mà thôi.

Muốn cho ai nấy thấy sự kết-quả hiển hiện của Cò Bài Lao, để không còn tin những lời đồn đãi ấy, chúng tôi xin trưng ra đây vài con số...

những cái tập tục mới. Khiêu-vô là một tập tục mới, nó đã bắt đầu lôi kéo tâm lòng ưa thích của thanh-niên mình, rồi thũng thũng nó tràn lan ra khắp nơi, rũ rã cả mọi người, chớ không sao ngăn cản được.

Đã không ngăn cản được, thì ta chỉ còn có cách tìm kiếm chỉ vạch ra chỗ nào là chỗ hại, để trừ cái chỗ hại ấy đi. Khiêu-vô cũng như các thứ khác, có hay cũng có dở, có lợi cũng có hại, nếu không biết cách chơi cho phong nhã, thì người đời phiến trách nó là đáng lắm.

Vậy xin anh em chị em nào ưa điệu khiêu-vô, nên có tinh-thần cao khiết, hiểu cái ý-nghĩa mỹ-thuật trong đó, thì mới là hữu ích vô hại. Có người bần nên dạy khoa khiêu-vô ở trong các trường nữ-học ta nữa, song vấn-đề cấp-lấn đó, tôi chưa muốn đem ra bàn bây giờ.

— Q. C. —

Từ khi nhà thương thí mới mở cửa cho đến tháng Novembre 1933, nghĩa là trong vòng 3 tháng đã có đến gần hai ngàn người đến coi mạch. Nhà thương có gửi vào Cholon để rọi kiến hơn 2 trăm người và truy nguyên ra được hơn 600 bệnh ho lao. Bấy nhiêu đó, chỉ trong một thời-gian là ba tháng, mà ba tháng ấy lại là ba tháng đầu tiên, nghĩa là trong lúc ít có người biết. Cứ coi theo số bệnh nhơn đến coi mạch bây giờ, chúng tôi chắc rằng số ấy sẽ tăng lên gấp hai gấp ba vậy.

Một cơ-quan bài lao như nhà thương ấy, làm được việc hữu-ích như vậy, mà chi-phi lại không bao nhiêu.

Chi-phi mua máy rọi kiến, mua thuốc men, đóng bàn ghế v... lúc đầu chỉ có ngoài năm ngàn. Còn tính ra, thì chi-phi để mở cửa nhà thương trong một năm: Lương thầy thuốc, lương hai cô điều-dưỡng, lương anh cu-li; tiền mua thuốc, tiền giặt giũ, v... chỉ có 5.720\$.

Chúng tôi có hỏi một ông lương-y chuyên-môn về bệnh lao, coi ông nghĩ sao đối với Nhà-thương thí ấy, thì ông đáp:

— Tôi tưởng rằng Nhà-thương thí này không kém các nhà thương mới bên Pháp. Cũng có máy rọi kiến, cũng máy vi-trùng, cũng máy bơm hơi vào màn phôi, cũng nữ điều-dưỡng — viếng bệnh nhơn... Nếu ở Nam-kỳ mà có chừng hai ba cái nhà thương như thế, thì không lo gì bệnh lao lại chẳng có ngày kia lần mòn tiêu diệt.

Chúng tôi tưởng rằng, muốn cho bệnh lần mòn tiêu diệt, không có cách nào hay bằng mua Cò Bài Lao, cõ-động cho kẻ quen xa gần mua, và cất-nghĩa cho ai nấy biết rằng tiền bán Cò Bài Lao không phải gửi về hết bên Pháp, mà lại để hết 95/1 ở bên Nam-kỳ để dùng vào việc công ích như chúng tôi đã giải bày ở trên kia.

L. T. S.

Dr. TRẦN VĂN ĐỐC

Chuyên trị bệnh con nit
31, Rue Tabert
Góc đường Tabert và Aviateur Garros
— : SAIGON : —

Sở báo mùa Xuân

Sở báo Phụ-nữ đặc-biệt mùa Xuân, Xuân Phụ-nữ, và Xuân Nhi-đồng sắp ra. Anh em chị em nhớ đón xem. Có lắm bài hay và vui, hình nhiều và có bìa đẹp lắm

LẠI CÙNG BÀN LẠI BÀI

PHÊ-BÌNH TRUYỆN TỐ-TÂM

của ông Thiệu-Son một cách chân thật

Kính ông Thiệu-Son,

Tôi xin cảm ơn ông, là vì ông không nệ tôi là thợ-vẽ mà đáp từ bài tôi viết ở tạp-chí Đông - nai.

Trước kia tôi viết là do thấy truyện Tố-Tâm là thứ văn sâu cãm ru đưa đẽ lừa bịp gái là phái hiện-thời phần đông ít được học hỏi, và địa-vị như bọn nam-nhi, mà ông dùng giọng văn phê-bình hết sức tán-dương để phụ-họa. Chỉ vì ý-kiến sai-lầm ấy, nên tôi có mấy lời bàn, chớ nào phải phê-bình, nếu ông nói tôi phê-bình, tức ông vu cho tôi. Thưa ông, nếu là nhà phê-bình, thì phải có cái học-hỏi uyên-thâm, cái óc phán-đoán và khảo-sát cho tinh-tường mới được. Còn tôi quyết không nhận. Bài viết ở Đ.N. là thứ bàn lại, mà bài này bàn lại một cách chân thật.

Dưới đây tôi xin trích mấy lời của ông mà tôi chỉ trích. Đầu hết ông nói: « Sách nhiều người mua nhiều người đọc, nhiều người cho là hay, mà thiệt không ai dám công-nhiên tỏ ra cái thái-độ hoan-nghinh nó cả. Vì nó mới quá. Lại nó gặp một cái trở-lực mạnh quá: là phái đạo-đức. »

Nó mới ở chỗ nào, mà ông gọi rằng mới? Cái tư-tưởng này đã có từ xưa đến giờ. Còn ông nói gặp cái trở lực mạnh quá của phái đạo-đức, đạo-đức này là đạo-đức gì xin ông định-nghĩa rõ. Ông luận về tình: « Truyện tình-tự trai gái chỗ nào là không có, ở nước nào là không có, vào trong làng trong rẫy ta hỏi lời chuyện đó, thì ta thường thấy ở ruộng lúa bụi tre. Lăn chỗ cùng cốc thâm « sơn, ta hỏi lời truyện đó, thì ta thường thấy ở gốc « cây bờ suối. Đối với dân-tộc còn dã-man, hoặc bán « khai, tánh-linh còn thô sơ đơn giản, thì ái-tình « thường căn cứ ở cái khodai cãm ở vật-chất, mà ít « thấy lạc-thủ ở tinh-thần. » Và chỗ ông nói về hy-sanh tuần-tiết: « Hạng gái thường lấy ăn no mặc « ấm làm vui, lấy bình thường giản-đẽ làm « thích, cái ngoạn là ở chỗ ngu, mà cái nết là ở « chỗ đại, có ngu đại mới dễ sai khiên, mà có giản-đẽ mới dễ thấy sự bằng lòng. Coi văn-chương « không biết hay ở chỗ nào, nhìn mỹ-thuật không « biết đẹp ở chỗ nào, hỏi nghĩa-lý u-mê như con « nit, xét cãm-tình mặc mạc như cỏ cây. Những « người đó, nếu ở cảnh thường có thể không phạm

« một tội lỗi gì được, nếu sang cảnh biển thì chỉ là « những vật thụ-động mà thôi. Nếu trời không « đánh sịo chết thì chẳng có dịp nào mà sịo biết lời « sự tuần-tiết hy-sanh là gì cả. »

Ông luận tình thật khéo, khéo như ở lời văn trôi-chảy và mỹ-lệ, cho dễ gạt chúng. Nhưng sự thật ái-tình thường do vật-chất, ông đầu ché ở vật-chất, mà bao giờ cũng ở vật-chất trước, sau đến tình-cảm, rồi mới có lạc thủ ở tinh-thần. Mà cái lạc-thủ ở tinh-thần không phải ở trong cõi mơ mộng, luôn luôn đều thật-hiện. Nếu ai nói ta yêu người yêu của ta vì lẽ có tài có đức, chớ ta không chuộng ở hình-thức vật-chất, thì xin hỏi: nếu người của ta yêu trong cơ thể tàn tật xấu xa, thì ta có vì cái tài đức mà trọn yêu, hay là kém bớt sự yêu đâu đi chăng? Nếu ta trả lời rằng ta cũng vẫn trọn yêu, đầu lời nói ấy có thật-hiện ở cách cư xử thì là bề ngoài, chớ trong lòng là ta gạt ta, dối ta, chớ không thật vui lòng như lời ta nói, nếu ai nói ái-tình thanh-cao không ăn thua gì với vật-chất, ấy là người giả đạo-đức dối người gạt mình! Còn ông nói về hy-sanh tuần-tiết, ông cho hạng gái như Tố-Tâm vậy mới biết hy-sanh tuần-tiết, ấy là thi-vị của ái-tình. Mà sự thật hạng như Tố-Tâm là bị lợi dụng tình-cảm đến chết oan, mà ông dám đem những tiếng khen vô-vị làm mồi để gạt hạng nhẹ tánh ham hư-danh, chết ấy là hy-sanh, ấy là tuần-tiết, là thi-vị!!! Ôi! đem cái sanh-mạng rất quý-báu đổi lời tán-tụng vô-vị hào-huyền, không hay rằng cái tội-ác đã tràn đầy! Vậy kẻ cầm dao giết người xã-hội lấy hình-luật để trị, còn hạng giết người một cách gián-tiếp thì xã-hội nghĩ sao ??? Chỗ ông luận về hiếu: « Huống vì hiếu phải vắng « lời mẹ, vắng lời mẹ đẻ mà chết, thì còn có cái « luân-lý nào cảm động thiết tha hơn nữa? Lại « vì hiếu không dám cãi ý cha đẻ từ hôn một người « vị-hôn-thê mình không có chút tình gì cả, đành « chịu hy-sanh một cái vưu-vật như Tố-Tâm thì « còn cái luân-lý nào khác khờ hơn nữa không? » Nếu nói hiếu, Tố-Tâm không tỏ thật với mẹ là trái đạo hiếu rồi, còn để cho mẹ phải tội làm chết con, thì hiếu ở chỗ nào? Còn ông nói Đạm-Thủy không dám cãi ý cha, mà Đạm-Thủy chưa nói rõ

ý mình cho cha biết, thì ông cha có phán-đoán đều gì mà gọi rằng cũ? Lại ông cho Tô-Tâm là cái vưu-vật (1), thì ra hạng phu-nữ toàn là món vưu-vật của nam-nhi, sao ông là người có tân-học, mà còn cái óc ở vào đời phong-kiến, xem phu-nữ là đồ chơi của nam-nhi?

Trở lên trên là tôi xin bàn lại bài phê-bình của ông. Còn dưới này là trả lời về câu ông trích của tôi viết ở báo Đ. N. và mấy chữ sách, truyện, tự-tử, tự-văn, và cũng đáp lại bài ông viết ở báo P. N. T. V. và chỉ trích luôn.

Về câu tôi viết « Ai-tình là món độc, khuyên thanh-niên hãy xa lánh ai-tình », tôi xin thú thật, khi tôi viết bài ấy thì quyển Tô-Tâm không còn ở tay tôi, hôm nay xem lại thấy chỗ ấy tôi lầm, vậy tôi xin lỗi ông, chỗ ấy tôi nói vu ông, tôi xin hủy câu ấy. Còn về chữ « sách » và « truyện ». Bởi tôi nói chữ « sách » mà không bẻ chữ « truyện », là vì chữ sách theo tiếng nước ta thì là sách học (classique) chứ không phải những thứ nào đã đóng thành quyển như ông đã nói như chữ « livre ». Về chữ « truyện » ông nói tôi dùng sai, thưa ông, truyện nghĩa là tương truyền, nó giống như tiểu-thuyết, những chuyện có thật, hay chuyện bịa-đặt biên chép để truyền đọc, vậy thì truyện với tiểu-thuyết muốn nói truyện cũng đặng, mà tiểu-thuyết cũng đặng. Như nói truyện Tàu hay tiểu-thuyết Tàu cũng đồng một nghĩa. Còn sách với truyện hoặc tiểu-thuyết rất phân-biệt, nếu ông biểu người ta đưa sách Tây-du hay đưa sách Phong-thần chắc họ sẽ ngần ngại, mà ông biểu đưa truyện Tây-du hay tiểu-thuyết Tây-du thì họ sẽ biết ngay, chỗ này tôi sợ đi bàn cùng ông, là muốn lời nói của ta sao cho rõ để người đọc đạt được ý-kiến, chứ không phải cái để giành hơn kém, vì chúng ta bàn ý-kiến bằng tiếng nước nhà. Về chữ « tự-tử » và « tự-văn ». Chữ tự-tử tôi dùng là theo người mình thường nói để chỉ những người giết mình để chết, song chữ tự-tử tôi dùng đó sai mà không thấy ông bắt tôi chỗ chữ ấy. Vậy tôi xin bỏ chữ tự-tử mà dùng chữ tự-sát 自殺 cho đúng nghĩa (2).

Về phần bài ông viết trả lời tôi ở báo P. N. T. V. ông nói ông phê-bình sách Tô-Tâm là

(1) - Chữ vưu-vật: 尤物美也尤物可移人 vưu-vật là món đẹp (lốt) cái đẹp dời được người. Câu này là do bọn phú-hào nhà Tống sấn đàn-bà là món thích chơi của đàn ông.

(2) - Về hai chữ này của ông Thiệu-Sơn chúng tôi có đính-chính ở số báo trước, xin ông Đặng xem lại. - P. N.

phê-bình sách ở Bắc vào năm 1925, thế là ông ưm-nhận người ông năm 1925 còn lầm. Và ông nói xã-hội Bắc-kỳ với Nam-kỳ khác nhau ở không-gian và thời-gian. Thế ông muốn nói cách sanh-hoạt và tánh-tình khác nhau, hay ông muốn đem Biện-chứng-pháp ra để đối chiếu. Ông dùng biện-chứng như thế tôi xin phục ! Và ông nói cũng một cuốn sách người Nam thường-thức khác, mà người Bắc thường-thức khác. Vậy thì cái học của nước ta là học với Tàu với Pháp, chắc đọc sách họ không sao hiểu được tư-tưởng họ, vì người Nam người Bắc cùng một nơi giống, cùng một tiếng nói, mà thường-thức khác, thì đối với Tàu với Pháp làm sao mà lãnh-hội được tư-tưởng họ ?! Tôi viết đến đây tôi lấy làm ngờ, không lẽ người như ông là nhà phê-bình mà cái tư-tưởng lại tệ đến thế ấy !

Chỗ ông nói nam nữ thanh-niên tân-học, là sống ở xã-hội cũ mà có tư-tưởng mới, thường bất-mãn với hoàn-cảnh và phong tục, song vì ít nền yếu, còn phải cũ đông hơn mạnh hơn. Sao ông quên, đâu những nước văn minh tiên-tiến như nước Pháp, mà hạng trí-thức được hơn số với hạng thường không ? Mà bao giờ hạng trí-thức cũng vẫn là cây đuốc rọi đường cho số đông họ. Còn nói về sự hủ lậu thì Nam hay Bắc gì đâu đâu lại chẳng có, ngay như nước Pháp là nước thế-giới lạng là văn-minh hơn hết, mà trong nước họ thiếu gì dân còn hủ lậu dị-đoan. Như thế thì không thể đổ cho vi đó làm trở ngại bọn trí-thức.

Về ý-tưởng của tôi và ông ai phải ai sai còn có người công-luận, tôi và ông khỏi phải bàn. Tiện đây tôi xin ông có viết văn đề bàn cãi về lý-tưởng giữa ông và tôi, xin ông viết lối phổ-thông cho dễ hiểu, mà xin ông đừng viết lối văn phú-hào. Theo tôi, có nhiều chỗ tôi xem văn ông, không biết ông muốn nói cái gì, thành ra kiếm hiểu đặng thì mất thì giờ nhiều. Vậy có hại cho sự sống tôi, xin ông thương và lượng cho.

ĐẶNG-VĂN-KY
17 Rue Malin des Pallières - Dakao

Docteur
▼ **F. Nguyễn-văn-Nguyễn**
Cựu Sinh-viên ở Dưỡng-đường Paris

Chuyên trị các bệnh : trái tim bao tử và gan.
Phòng khám bệnh : 81 đường Mạc-Mahon.

Sớm mai : 7 giờ 10 giờ
Chiều : 2 giờ 4 giờ

N.B. - Những giờ khác, sẽ có tại nhà thường 82 đường Larandière - Saigon

NHỮNG CON VẬT NHƯ' NGU'ỒI

Chỗ kéo xe lửa - Khi xét bạc giả - Để bắt kẻ trộm - Cá sấu làm quan tòa

Một kỳ báo đã lâu, tôi đã thuật ra mấy chuyện bày tỏ cái thông-minh của giống vật đến đời có con chó báo thù cho chủ, cho loài kiến phụ - lực với linh mật-thám để tra xét ra vụ án mạng v.v.. Có lẽ trong vô-trụ này, người được tấn-hóa thì giống vật cũng tấn-hóa.

Mấy chuyện lạ về giống vật đã thuật ra hồi đó, chưa lạ bằng mấy chuyện kể ra dưới đây.

Tại thành Nome, xứ Alaska, có một con đờng xe lửa, thật là lạ lùng hơn hết, trong thế-giới không chỗ nào có.

Từ năm 1900, người ta đặt một đờng xe lửa ở trên những chót núi cao, là chỗ có hàng ngàn người đi tìm vàng (chercheurs d'or) ở đó. Ban đầu, công-ty xe lửa tưởng là có lợi nên chỉ họ mới đặt con đờng xe lửa ấy. Sau đó ra không có hành-khách, khiến cho những toa máy phải xếp lại một nơi, thành vật vô dụng, từ bấy đến giờ.

Nay người ta dùng chỗ để kéo toa xe chở khách thế cho đầu máy (locomotive).

Những toa xe này để trần, chứ không có mui, mỗi toa có hai ba chỗ ngồi, một đàn chó 15 con kéo xe chạy. Trên hết có một con chó thuộc đờng nó đi trước hết, làm như chú « cai máy » (conducteur) vậy. Nó đi đầu há miệng la tiếng « mush » ấy là nó hối thúc đoàn chó phải chạy cho mau.

Đoàn chó này được kéo toa xe, hình như ra về tự đắc lắm, vì thấy lắm lúc nó chạy rất mau, làm cho bánh xe cả vào đờng rầy mà bắn tia lửa sáng ra. Tuy là toa xe chó kéo mặc lòng, nhưng xe ấy cũng chạy mau từ 30 tới 40 cây số một giờ, chứ không phải ít. Xe lửa thiệt ở trong xứ ta cũng chỉ chạy mau hơn ít nhiều thôi.

Bên Xiêm người ta dùng hàng trăm con khỉ đã có giáo-dục chuyên-môn để ngồi thử coi đồng bạc nào thiệt hay giả.

Ở ngoài chợ, ở trong các quán, các tiệm buôn cùng là các người làm nghề đổi bạc, đâu đâu cũng thấy có khỉ ngồi chêm-chệ một bên người ngồi tú kết thâu tiền. Ai mới thấy, chắc nghĩ rằng họ ưa nuôi khỉ chơi vậy thôi. Chừng họ hỏi mới biết

khỉ đó là những nhà chuyên-môn về tiền bạc. Nó ngồi bên người giữ kết đặng thử tiền bạc thiệt giả đó. Khi khách mua trả tiền, có bạc đồng bạc cật nào mà người giữ kết sanh-nghi thì cứ việc đưa khỉ nó thử giùm cho.

Nó thử cách nào ? Bấy lâu nay, nước Xiêm cũng có hạng làm bạc giả sanh ra nhiều lắm. Bạc thiệt thì cứng, bạc giả tất-nhiên phải mềm, vì dầu cho kẻ làm bạc giả có đức khéo đến đâu cũng vậy. Cách thử chỉ có làm sao cần cho biết đồng bạc nào cứng hay mềm. Răng người cần không được ; người ta mới giao cho khỉ. Hề đồng bạc nào nó cần thử mà có dấu răng, ấy chính là bạc giả, không sai.

Các chú làm nghề đổi bạc, phần nhiều là người tuổi già, không có răng cõ gì nữa ; hay là còn răng, nhưng họ muốn giữ để nhai đồ ăn, chứ mỗi ngày đưa ra cần thử đồng bạc nhiều lần, chắc phải gây hết.

Vì vậy mà họ dùng khỉ làm « quan kiểm-soát » để thử bạc giùm cho người ta.

Ta nên biết Nhật-bồn hiện thời là một nước văn-minh tân-thời đến cực điểm, thứ gì họ cũng chế-tạo ra máy móc để thay tay giúp sức cho người, và bên Âu Mỹ có thứ máy lạ lùng tiện lợi gì, thì Nhật cũng có thứ đó, chẳng còn thua sót gì ai chút nào.

Ấy vậy mà người Nhật vẫn dùng loại để dễ canh gác kẻ trộm, chứ không phải cần chế ra thứ máy bắt kẻ trộm như bên Âu Mỹ làm chi.

Hầu hết những nhà ở thôn quê, đều có nuôi mấy con để nhốt trong cái lồng để trên một cái sen-lết bằng tre có ba cẳng. Loài này có tánh gáy hoài không ngừng.

Song thỉnh linh đêm nào có một người lạ vô nhà, hay là cửa ngõ kêu rột rạt, hay là trên đất có tiếng cẳng người đi ; nói tóm lại là có một chút rung động khác thường, con để đang gáy hát ồn ào, tự nhiên thỉnh lặng ngay.

Người thôn-quê Nhật-bồn, quen ngủ có tiếng để gáy rầm bên tai. Giờ hồng đưng nó thỉnh lặng tự nhiên, chủ nhà phải giật mình thức giấc trở dậy đi soi xét nhà cửa coi có động dạng chỗ nào hay không?...

Tại cù lao Madagascar, người ta dùng cá sấu làm như quan tòa mới lạ.

Nguyên là ở gần kinh-thành Tananarive có một cái hồ, chứa đầy những cá-sấu mà người bản-xứ cho là cá thần. Không khác gì tục xứ mình, có nơi người ta tin có cộp thần và thờ tự rần thần vậy.

Xứ Madagascar cũng là thuộc địa Pháp-quốc như ta, có pháp-đình, có quan tòa, có mật-thám, có cò lính, để xử những kẻ có tội và giữ gìn luật quan phép nước đủ hết thảy chớ; nhưng vậy mà dân bản-xứ vẫn mê-tin nơi sự thiêng liêng của những con cá sấu ở dưới hồ kia. Nhiều việc đã có quan quyền phán xử hay hành-tội rồi mặc lòng, người ta cũng vẫn còn đem cho cá sấu xét xử. Có khi người ta không đem kẻ có lỗi kia lên quan hay ra tòa để mình bạch oan ung, mà chỉ nhờ cá sấu xét xử mới lạ.

Nhờ cá sấu làm quan tòa ra thế nào?

Hết thầy những kẻ nào có tội, những kẻ nào bị nghi, mà không thú tội hay khai thiệt ra, thì người ta bắt phải lội ngang qua hồ cá sấu coi thử.

Nếu anh nào lội từ bờ bên này qua tới bờ bên kia mà bình an vô sự, ấy là chứng tỏ ra mình vô tội, nên chỉ cá sấu thần không ăn thịt. Còn anh nào bị cá sấu nhai mất, thì người ta bảo là kẻ có tội đó.

Trong hồ Tanganyika ở châu Phi, có con cá sấu tên là Lutembe; nó có một người canh gác riêng, và khi nào dân bản-xứ kêu cầu khẩn vái thì thấy nó nổi lên mặt nước, và nó cũng hay xử kiện như chuyện trên đây. Trước kia họ cũng thường bắt tội nhơn lợi qua hồ, để cho cá sấu xét xử, nhưng tới ngày có người Hồng-mao tới chiếm-cử cai-trị xứ này, đặt ra một người canh gác riêng luôn luôn đêm ngày, cốt không cho người bản-xứ nhờ cá sấu làm quan tòa nữa. — V. A.

Cách làm nước mắm

Bồn-bào tiếp được bài của cô Nguyễn-thị Tương-Tâm ở Hưng-yên (Bắc-kỳ) nói về cách làm nước mắm, rất vui lòng đăng ra dưới đây để cho chị em, nhất là bà Nam-Son ở làng An-hòa (Bắc-kỳ) xem cho biết.

Cá cơm, cá nục, cá trích v.v. các thứ cá, thứ gì cũng làm nước mắm được cả, chỉ có một thứ cá chấu, ở Trung-kỳ và Nam-kỳ thường gọi là cá khoai là không làm được mà thôi.

Mua cá về, nhớ đừng rửa nước ngọt, vì rửa nước ngọt nó hư mất, mà chỉ rửa bằng nước mặn.

CÁCH LÀM:

Lượng 4 bát cá thì 1 bát muối; muốn lạt thì 5 bát cá 1 bát muối (nghĩa là 4 hoặc 5 cá thì 1 muối). Hai thứ trộn lộn với nhau, đoạn chùi một cái chum, vại, hoặc thùng gỗ, để cho ráo nước, đục dưới đáy 1 cái bọng rồi nhét lại cho cứng, cho nó khỏi chảy nước mắm ra. Đổ muối và cá đã trộn với nhau rồi vào trong chum, vại, hoặc thùng ấy, đan một tấm phên đo vừa miệng thùng đẩy lên và dãn thêm vài viên đá trái. — Sau một ngày, lại hốt nó ra, khi này là thành mắm rồi — cho thêm một ít muối, và rang ít thính đấm nhỏ rây bột bỏ vào (thính, cơm nguội phơi khô rang cháy) dãn lại như khi trước. — Thùng, chum vại, to thì 7, 8 tháng, nhỏ thì 3, 4 tháng nó chín. Thường thường cứ lấy muối đổ nước lạnh thêm nấu sôi để nguội đổ vào trên mặt thùng, thế gọi là dưỡng-mắm. Khi đã chín rồi lấy nước mắm nhớ nấu cái nước cá mà lần thứ hai lại muối nước đó gọi là nước mắm cốt — đổ lên trên mặt. Xoi cái bọng khi trước đục ở đáy thùng ra cho vào 1 ít vải vụn và vài cái tranh làm máng cho nó chảy. Cứ cạn mặt là đổ thêm nước muối đã nấu sẵn và nguội ấy vào. Tùy ý muốn rút nhiều thì nấu nước muối mà đổ trên mặt chum hoặc thùng nhiều muốn ít thì đổ ít, bao giờ xác mắm kia nó khô khan là hết. Làm được y thế thì nước mắm sẽ được trong trẻo và ngon. Ở Bắc thường gọi nước mắm Quảng-binh, làm như thế đó.

Mlle NGUYỄN-THỊ-TƯƠNG-TÂM

Chớ quên

▼ **Dấu TỪ-BI**

Thất-nghiệp

— Thất-nghiệp! Lại còn cái nạn thất-nghiệp! Minh đã thất-nghiệp!

Hồng-Liên lầm-bầm mấy lời dị-kỳ trên này giữa một hoàn-cảnh rất lạ!

Hồng-Liên năm ấy được 18 tuổi. Hai cánh tay to, mặt mày hùng-tráng: một người thiếu-niên lao-động vào hạng rất khoẻ.

Con người rất khoẻ ấy vận áo quần vải trắng và ngắn, như bao nhiêu lao-động và học-sanh ở Nam-kỳ, ở cái xứ mà giai-cấp thầy tu của nho-giáo đã mất thế-lực, (khăn đen áo dài đã nhường-bộ).

Ngồi trên cái băng đá trắng trên bờ sông Saigon, một bên cột cờ Thủ-ngũ này; vào đêm hôm ấy là đêm trung-thu...

Trăng vằng-vặc tỏ, cho nên tiếng reo cười không dứt ngoài đường, giữa khách sang dùng rượu « Coin des blagueurs », và trong bọn âm-thầm hơn ngồi trên các cái ghế đá trắng, và cái lang-cang dựa bờ sông.

Một đoàn trẻ con Annam, đưa thi ăn mặc sạch sẽ — có lẽ là con của « mấy thầy » — đưa thi lam lũ, ra dáng con người thuyền-thợ, hay là bọn lao-công sống trên cái thành-phố bình-bồng kia...

Ghe thuyền đỗ ở bờ sông từ cầu Khánh-hội cho tới cầu Charner đêm hôm ấy cũng bày ra quang-cảnh vui vẻ khác ngày thường.

Hoặc là vì còn mê-tin; hoặc là muốn nhơn cổ-tục, đấm dân-sự sống trên mặt nước như đêm trăng tỏ mà bày ra nhan đèn hoa quả để cúng. Bánh trung-thu được chiêm một ngôi cao quý trong cái làng ấy!

Có lẽ quang-cảnh bày ra trước mắt kia nhắc cho Hồng-Liên nhớ cảnh vui vẻ không còn tìm đâu thấy nữa ở quê nhà? Từ khi mới 14 tuổi đầu rời Hải-phòng mà vào làm bồi trong Saigon, Hồng-Liên tiếc mãi những buổi trung-thu linh-đình ở Bắc-kỳ!

Có lẽ trông thấy đoàn trẻ em tuy rách rưới mà vẫn đùa nghịch vui cười, Hồng-Liên tiếc mãi cái buổi ấu-niên ngân-ngũ đã qua cho nên cứ ngậm ngùi?

Nhưng mà, không phải thế! Cái hoàn-cảnh ấy chắc hẳn là không có mối quan-hệ gì đến Hồng-Liên, vì anh ta cứ nói mãi hai tiếng khốc-bại này: thất-nghiệp! thất-nghiệp!

Hai tiếng có ma-lực gì mà đòi cả con người của Hồng-Liên! Ai vui mà Hồng-Liên cứ phải buồn!

...Mưa ban đầu còn là mưa phùn, bây giờ trời tối hẳn lại, mưa càng to. Khách sang ở Coin des blagueurs khách tâm-thường của băng đá trắng và một đoàn trẻ con đều đã lui đi hồi nào. Một người què lui trẻ hơn hết và là bạn láng-giềng của Hồng-Liên trên cái ghế trắng, khi đứng lên sắp cáo biệt bạn đồng-khổ thì đánh vào vai Hồng-Liên mà bảo rằng:

— Mưa to! đi về thôi!

— Về đâu? Tôi thất-nghiệp!

Người què cười khanh-khách.

— Về « nhà » tôi.

— Nhà anh ở đâu!

— Hàng Charner!

Nhà của bác què là cái mái hiên hàng Charner.

Nhưng mà Hồng-Liên vẫn ngồi mãi một mình, liêu cho mưa xối vào áo quần, thân thể. Anh ấy đương nghĩ-ngợi sâu xa.

Anh ấy nhớ lại cái đời lao-khổ của mình. Cha mẹ anh đều là lao-động ở nhà quê, cây thuê cấy mướn; anh nhớ hết sức lam-lủ kiếm được một ít tiền mà đi học vài trăm tiếng tây bồi; nhờ đó mà thoát khỏi sự sống rất khổ của hai thân sinh để ra làm bồi ở Hải-phòng, với một người Tây.

Chi của Hồng-Liên bây giờ là cốt thu thập một ít tiền để mua cho cha một con trâu.

Cuộc đời đầu bề, cha mẹ Hồng-Liên bị can vào

1934

Lịch 1934 đã in rồi, có đủ ngày tây, ngày Annam, ngày vía các vị Phật, ngày ăn chay, ngày tốt, ngày xấu, lịch-sử nước nhà, chữ số in lớn rất rõ, mà kiểu lịch in lại rất đẹp. Dùng lịch của bản-xã không lo sai ngày, vì bản-xã mướn người làm rất kỹ lưỡng.

Lịch gờ từ ngày, thứ lớn 31x40...0\$50—ở xa... 0\$85

» » » » » nhỏ 22x34...0 40— »...0 70

» bộ túi.....0 03— »...0 0g

» miếng (trọn năm 1 tờ).....0 05— »...0 10

TÍN-ĐỨC-THU-XÃ

37-38-39, Sabourain, Saigon

PHU NU TAN VAN

những vụ hội-kín mà bị bắt, Hồng-Liên lại phải theo chủ tây mà vào Saigon, làm với người chủ ấy được ít lâu, Hồng-Liên thôi đi vào làm ấn-công cho nhà-in.

Trí sáng, tánh siêng, Hồng-Liên học chữ quốc-ngữ mấy tháng là đã đủ mà biết nhìn mặt chữ để làm cái nghề ấn-công của mình.

Hồng-Liên làm hơn hai năm ở đó, sáng hôm nay, được chủ cho gọi.

Ông chủ người to béo, dáng phú-hào đặc-biệt, lên giọng nghiêm-trang bảo rằng:

— Bữa nay mấy lãnh tiền rồi thì nghỉ. Bao giờ có việc làm, tao sẽ cho gọi. Khủng-hoảng.....

Bây giờ một mình trên cái ghế trắng dài, Hồng-Liên đương nghĩ về hai chữ khủng-hoảng.

Khủng-hoảng là cái gì? Vì đâu mà có? Bởi sao mà mình phải nạn thất-nghiệp?

Ai là những bạn đồng-khổ của mình? Bởi sao mà họ sướng mà mình khổ.

Hồng-Liên, hoặc là vì kém học, hoặc là vì trí quá, cứ loanh quanh hỏi đi rồi hỏi lại, nghĩ mãi mà không ra.

Rồi tự nhiên anh ấy nhớ tới cha mẹ, nhớ tới cảnh khốn đốn của cha mẹ, và của mình khi ấu-thời.

Ngày hôm qua đã khổ, ngày nay lại càng khổ, ngày mai e khi lại chết đói.

AI cứu hai đứa con Tây...
... được thưởng ...

Ông Albert Monges ở số nhà 31 đường Vassoignes, gần chợ Tân-dinh, có hai đứa con gái nhỏ. Hai đứa cứ đau hoài, làm rối cho ông lắm. Một tháng đau không biết mấy lần, cứ nóng lạnh và ho, hay khò khè đêm, vì nó có gốc ban. Ông hết sức với con, chày đủ phương, mà không gặp thuốc. Có người đi tìm chỉ ông mua thuốc ban « Chi-linh-tán » về cho con ông uống thử. Ban đầu ông chày thuốc Annam không hay nhưng cùng thế, ông cho uống càng, uống ba ngày ba gói, ban lộ đầy mình, hết nóng lạnh, hết ho, mà gốc ban từ ấy đến nay không còn tái-lại. Con ông hết, ông mừng lắm, và ông có tánh vui vẻ, ông thưởng 1 \$ 00 cho người đi tìm chỉ, và ông nói từ nay hễ con tôi đau ban, nóng lạnh, ho, thì tôi cứ cho uống « Chi-linh-tán » chớ không cho uống thuốc nào nữa, vì tôi biết thuốc « Chi-linh » tán hay lắm.

Thuốc này có bán khắp cả Đông-Pháp, các ga xe điện, và các nhà buôn có bán, ở xa muốn mua xin đi nơi Madame Nguyễn-thị-Kính, chợ mới Saigon.

Giá mỗi gói: 0 \$ 12

Hồng-Liên nhớ tới cái giấy thuế-thân chưa đóng, rồi như thấy cảnh bị xiềng-xích ở trước mắt.

Hai giọt lệ ở đầu tới làm ướt cả mắt, cả hai má, có phần nặng hơn là nước mưa.

Hồng-Liên, con người lao-động rất khoẻ, lại phải khóc như trẻ con.

Vừa khò, vừa tức, vừa nhức, Hồng-Liên đứng lên đi.... Đi đâu? Con ma thất-vọng dần Hồng-Liên tới cầu Khánh-hội. Ra giữa cầu, người thanh-niên ấy còn đứng dựa lang-cang một hồi lâu; đứng mà mê-mẩn như người bị say trong giấc thôi-mạnh.

Sau cùng, anh ấy quyết chí, co giò nhảy xuống sông.....

Nhưng mà cổ anh ấy như bị vướng vật gì, như bị vật gì bám chặt, không thể lia chỗ của anh đương đứng.

Vật ấy là một bàn tay rắn như sắt; một bàn tay lao-động. Hồng-Liên ngoảnh lại thấy Tư-Thìn, bạn làm công ở nhà-in.

Tư Thìn bảo:

— Chớ có dại! Tự-tử là hèn-nhát lắm.

TRẦN-THỊ-BÍCH

Mua từ 1\$00 thuốc

VỎ-ĐIÀNH-DÁN

(13 năm danh tiếng)

được lãnh thêm một ve lớn

SỮA MỸ-DUNG « HOẢNG-HẬU »

để trang điểm, đáng 2\$00.

Lãnh ở Đại-lý xin trả 0\$35 tiền cước.

P. NGUYỄN-VĂN-CHÂU

Môn bài 16, đại-lộ Gallieni

SAIGON

26 - QUAI PIQUET -:- PHNOM-PENH

là nhà chuyên môn về nghề đóng bìa sách và đủ các thứ hộp bằng carton

Giá rẻ hơn các nơi



TIN TỨC TRONG NƯỚC

⊗ Hạt Baria rộng thêm 100 mẫu đất.

Chánh-phủ Pháp mới tìm gặp và chiếm-trị 9 củ - lao ở Thái-bình-dương. Nay có tin đích-xác rằng 9 củ - lao ấy đã thuộc về địa-hạt tỉnh Baria (Nam-kỳ).

Thế là từ đây địa-diện tỉnh Baria được rộng lớn thêm 100 mẫu đất nữa.

⊗ Lý-tôn-Nhơn đến Hanói.

Hồi 4 giờ chiều ngày 26 Décembre, viên Tổng-chỉ - huy Quân-đội Quảng-tây là Lý-tôn-Nhơn đã đến Hanói.

Lý đến Hanói là vì có thư của quan Toàn-quyền mới nên được quan Toàn-quyền Pasquier tiếp rước rất long trọng. Chủ khách luận bàn về vấn-đề giao-hào giữa Đông-dương và Quảng-tây, vì nay mai Quảng-tây cũng sẽ có một chánh-phủ độc-lập như chánh-phủ Phước-kiến bây giờ.

⊗ Một vị giáo-sur bị cộp cấn chết.

Mới rồi, ông Mallet, giáo-sur ở Kompong-Chuang (Cao-mên) xách súng vào rừng săn bắn. Gặp một con cộp, ông Mallet bắn trúng một phát, con cộp nhảy trái vào bụi rậm mà nằm im lìm.

Sáng hôm sau ông Mallet lại vào chỗ cũ, tìm con cộp. Gặp nó nằm im, ông ngỡ nó chết rồi nên lại gần, không ngờ ông vừa vô tới, cộp chộp cắn đầu gối ông và quào trầy mấy vết. Ông Mallet thoát chạy được.

Về đến nhà, ông bị mấy vết lòi thối, ông Mallet xử thuốc và băng bó sơ sài, không ngờ mấy vết ấy lại có nọc độc, hành đau nhức và nóng lạnh, khí chớ ông đến nhà thương thì ông chết liền.

Ông Mallet là một người thợ săn giỏi, nhưng cũng không khỏi có ngày chết về miệng cộp!

⊗ Thuê thân Saigon sụt còn 5 \$ 50.

Lâu nay dân Saigon phải đóng giấy thuế thân mỗi năm là 6 \$ 00, nay Hội-đồng Địa-phương Saigon-Cholon định năm 1931 bớt 0 \$ 50, chỉ còn có 5 \$ 50 thôi.

Sở dĩ có sự giảm bớt này là vì lâu nay mỗi người dân Saigon phải chịu năm ngày công sưu, mỗi ngày 0\$60, chạy nhăm 3\$00, nhưng qua năm 1934, Địa - phương bớt tiền công-sưu mỗi ngày 0\$10, còn có 2\$50, nhập với 3\$00 thuế thân, cộng lại là 5\$50 đó.

⊗ Xe lửa cán chết 5 người một lượt.

Hồi 4 giờ khuya đêm thứ hai 1er Janvier, chiếc xe lửa riêng của hãng cây B. I. F. ở Bến-nôm chở cây từ Trảng-bôm chạy về Bến-nôm, có cán một lượt 5 người, thiệt là ghê-gớm.

5 người dân ông này là người chất đá cho M. Ba Bôi, đêm ấy lại gối đầu trên đường rầy xe lửa mà ngủ, nên mới thiệt mạng như thế.

Hãng cây có cho tiền chôn cất 5 người vô phước này.

⊗ Đoạt vợ người bị giết chết.

Hồi 6 giờ rưỡi sáng ngày 1er Janvier, tên Huỳnh - văn - Hôi, 54 tuổi, hồi trước có làm cộp-ràng ở nhà máy đèn tại Chruai-Chang-war (Nam-vang) có xách búa chém vào đầu một người xếp xưởng (chef d'atelier) ở nhà máy ấy 2 lát, người kia chết liền.

Chém người rồi, Hôi bỏ tay chịu tội và khai như vậy: « Tên xếp xưởng này nó giết vợ tôi lại còn đuổi cha con tôi ra khỏi sở nữa. Tôi giúp việc cho nhà máy đèn gần 30 năm, mà tên kia lại nhẫn tâm dám làm như vậy đó. Mất sở làm, đói khát khổ sở, tôi cho là tại tên xếp xưởng hại tôi, nên tôi phải giết nó mà trả thù. »

Thủ-phạm tánh bạo tốt, hiện đã bị bắt giam để chờ tra xét.

⊗ Ba Đại-biểu Nam-kỳ sang Paris.

Hội-đồng quân-bại cũ ông Nguyễn-phan - Long, phòng Canh-nông và Nông-gia Liên-đoàn cũ ông Đốc-tơ Trần-như-Lân, phòng Thương-mãi cũ ông Trần-văn-Sang, thay

Một bức thư...

(Đặng nguyên-vân)

Thưa ông

Tôi có tiếp đặng gói thuốc của ông gửi rồi. Thuốc « CHI-LINH » của ông, tôi đã thí nghiệm rồi, rất thần hiệu. Vì tôi có cho đứa con lười, và mấy đứa trẻ ở lân cận uống, về bình minh mấy phát nóng. Hai chơn hơi lạnh. Sở mũi, nhức đầu, đỏ mắt hơi trắng, và hơi thở mệt, buổi chiều thì mê mang. Đứa bình nhẹ tới cho uống có một gói, mà các chứng đều nhẹ cả. Còn bình nặng (lâu) mới uống có hai ba gói, thì nó lộ ban đỏ ra đầy mình, rồi lần lần thuyên giảm, uống tiếp một hai gói nữa, thì các chứng đều tiêu trừ. Thật qui hóa thay. Không hề với cái tên (Chi Linh) vậy, rất đáng gọi là nhị khoa thánh dược. Nay tôi viết thư này, để tạ ơn ông. Luôn dịp xin ông gửi cho tôi 50 gói nữa.

Nay kính

Lâm trường Xuân commerçanti à Lagi (Annam) Thuốc này tôi có cầu chứng tại tòa, và có bán khắp cả Đông-Pháp, các gare xe điện đều có bán. Ở xa xin đi nơi Madame Nguyễn-thị-Kính chợ mới Saigon, hay là do nơi M. Nguyễn-văn-Đức 11 Rue des Caisses à Hanói, giá mỗi gói 0\$12 (mấy chỗ bán đầu Khaynh-Diếp có bán).

mặt cho xứ Nam-kỳ qua Paris dự vào Ủy-ban tiền-tệ.

Sáng chúa-nhật 7 Janvier, ba vị Đại-biêu ta đã ngồi chiếc máy bay hiệu Fokker của hãng Air Orient mà qua Paris, có lẽ bữa 14 hoặc 15 Janvier sẽ đến bên Pháp.

Trước khi lên đường, ông Nguyễn-phân-Long có nói rằng khi qua tới Paris, sau khi dự Hội-ngị tiền-tệ rồi, ông còn ở lại viết bài trong tờ báo của trang - sur Gallet mà cử-đồng cho xứ Nam-kỳ ta nữa.

● Gái giang-hồ phải đeo thẻ.

Ở thành-phố Hai-phòng (Bắc-kỳ) nhà chức trách đã ra lệnh bắt các cô buồn hương bán phấn từ nay phải đeo thẻ đồng để dễ phân biệt. Việc này đã thi hành rồi.

■ Căn thành-phố Huế cũng có ăn cướp.

Hồi 10 giờ tối hôm 12 Décembre, vợ chồng ông Tôn-thất-Nhuân (làm ở sở Bưu-diện) ngồi xe kéo đi theo đại-lộ Hoàng-tử Cảnh (Huế) vừa tới chỗ miếu cây Bờ-đề bỗng có một lũ ăn cướp 4-5 đứa cầm dùi gậy ở trong miếu xông ra đánh tên xa-phu và mẹ ở chạy theo xe bị thương rồi vào xe cướp. Ông Nhuận vừa chống cự vừa kêu cứu, còn bà Nhuận thì ngồi nấp trong xe. Bọn cướp lại giật áo choàng của bà, trong túi áo ấy có 50\$.

Đánh người và giật đồ xong, bọn cướp liền chạy vào đường hẻm cạnh đình Giáp mà trốn thoát.

● Hãy đề ý.

Ở Saigon, có nhà thương-thi (Polyclinique) là nơi mà ai cũng đến xin chữa bệnh. Nhưng khổ là người đông thì công việc có hơi cầu thả. Như ở đó, có một phòng để chữa về bệnh đau răng. Tôi có vào đây, thấy thầy-thuốc (người Pháp) nhỏ rắng như nhỏ cỏ. Tôi hỏi thăm ông, thì ông kể cho biết mỗi ngày nhỏ tới một trăm cái răng. Không nói ai cũng biết phần đông là răng của người mình.

Nhỏ răng là một việc không nên làm. Răng đau hay là hư thì phải săn sóc cho lành chớ nếu nhỏ hết mấy cái răng sứt mẻ, nhức, thì còn gì để nhai; ăn không tiêu hóa còn sanh ra bệnh khác hại hơn nữa. Trừ ra khí nào răng đã hư hết rồi.

Mong rằng sở Vệ-sanh thành-phố nên để ý đến việc này; phòng chuyên về bệnh răng còn phải săn sóc chớ không phải nhỏ mãi mà thôi. — NỮ

Công-chúa Tô-Lan

Như chúng tôi đã cho hay trước, tuồng Công-chúa Tô-Lan đình lại đêm thứ bảy 13 Janvier. Ban Tri-sự sẽ dùng thời-gian ấy dựng lo viết bố cáo cho bản tuồng rất có giá-trị về Mỹ-thuật.

Đêm đầu ban hát thanh niên đã được tiếng vỗ tay khen ngợi, thì lần sau chắc thế nào cũng sẽ được công-chúng hoan-nghinh.

Công-chúng Sài-thành ngày 13 Janvier đứng bù qua rất ủng hộ, đầu cho không nghe dựng tiếng, cũng sẽ dựng vừa lòng, vì bản tuồng rất kỳ đẹp xâu.

Vả lại trong ban hát có đủ người Nam, Bắc, trong bốn vai đạo đã có ba cô người Nam thú vị.

Ái đã có xem đêm thứ tư vừa rồi đều công-nhận Công-chúa Tô-Lan là toàn vẹn.

Kết quả cuộc thi bìa Phụ-nữ Tân-văn số Xuân 1934

Các nhà hội họa dự thi cả thảy có 42 vị, phương-danh đã có đăng trong số báo 229.

Tòa soạn đã chăm bực về của ông NGUYỄN-CÁT-TƯỜNG dit LEMUR, Tốt-nghiệp trường Mỹ-thuật Hanôï được giải nhất.

Ông Nguyễn-duy-Tân Ecole d'art de Thu-dáumôt được giải nhì.

Cùng ba ông :

1. Chú Mộng-Lương Thư Quán Nhatrang.
 2. Lê Thanh Cảnh Huế.
 3. Dương Tấn Thân Biênhoa.
- Số tiền của qui ông thiếu nhà báo đã lâu quá rồi, đòi hoài mà mấy ông vẫn làm thình. Thơ từ và dây thép gửi mấy cái, qui ông cũng không trả lời.
- Bốn báo xin hạn trong 10 ngày, nếu 3 ông không tỉnh xong thì chúng tôi sẽ nhờ pháp luật đòi họ.
- P. N. T. V.

Lịch Việt-nam 1934 đã in rồi có đủ ngày Tây ngày Annam có chép những cái kỷ-niệm lớn của lịch-sử nước nhà, số lớn và rõ, kiểu in đẹp.

Công-ty Forvil và Docteur Pierre

Bủ thứ dầu thơm,
Phấn,
Savon rửa mặt,
Nước súc miệng,
Savon đánh răng.
Khắp nơi đều có bán lẻ.

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

INDOCHINE
IMPORT,
G. HUCHET

40-46 - Rue Pellerin - Saigon

THÂM-TÌNH TIỂU-THUYẾT

(Dịch truyện lấy)

Nguyễn THỜI-XUYEN

ĐÔI CÔ ĐẰNG

(Tiếp theo số 230)

Ánh sáng nổi lên, cô Đàng thấy cái khoen; cô vặn thử thì nó xây; kéo ra thì nó chạy theo làm cho cô ngó thấy một cái lỗ chừng ba tấc miệng. Trong lỗ ấy có một cái hộp nhỏ, láng và chói người, lấp lờ màu vàng rực rỡ.

Cô lấy ra xem thì là cái tráp nhỏ sơn son, hồng và cạnh lợp vàng. Cô lật qua trở lại, mắng rở và trâm trở, tạm quên đều mình đương kiếm.

Muốn mở cho rõ vật gì trong ấy, song rỏi cho cô, bởi không có chốt vặn, không có lỗ-khóa và chia. Rồi, nhận cầu may một hồi, cô dụng nhằm cái nút nhỏ có ruột gà làm cho cái nắp mở hoát.

Trong ấy có nệm nhỏ bằng nhung đỏ. Dở lên xem thì thấy một cái chia-khóa to bằng thép tốt, trên khoen có khắc chữ K.L.

Cô Đàng không dè được vật này. Song cô hiểu rằng chia ấy chắc có việc dùng quan-trọng lắm, nên mới giấu kín-nhệm đường đó.

Cô nhớ lại chuyện của tướng-quân nọ bị nhốt trong tù này, và thương hại giùm người vì không được biết những điều của cô tìm được ngày nay; cô tưởng rằng chia này để mở cửa.

Song, cô đứng dậy lại mở thử, thì lỗ khóa của cửa tù nhỏ hơn chia.

Vô phương!

Ừ, vô-phương, nếu chẳng có thể ra nơi cửa sổ. Mà làm sao? Có dòm ra cửa mà độ bề cao, phải thối lui, kinh hãi.

Không đâu! Không thể nào có gái yếu ớt dậm ném thân mềm-mại từ trên cao xuống đất cứng! Nghĩ đến đây phải đành ở lại thì cô thăm nào vô cùng.

Nếu ở rón lại lâu lâu, chắc cô có thể xin được sợi dây. Song lấy cơ nào?

Rủi hai vợ chồng thặng du-còn nghi-ngờ, chi cho khỏi nó kiếm thế ràng-buộc tù-tú; g hơn thì, ó hờ! hết trông làm gì được nữa.

Mã-Lợi hứa trong lát ngày sẽ cho cô thông-thả. Có thể nào tin lời của kẻ vô lương-tâm, kẻ sâu độc hơn rắn dữ kia chăng?

Không. Ngibi đến đó cô còn thêm quyết lòng tìm thế lánh nạn, dầu phải chết mất cũng đành. Còn một phương đó thôi! Có tin rằng Trời sẽ giúp người ngay; cô tin rằng, tự-nhiên, khổ tận cam lai vậy.

Cô ngồi suy-nghĩ trên giường.

Bồng chửi có đứng phắc vậy, mặt lộ sắc hân-hoan lắm. Cô đã kiếm được.

Nãy giờ cô rón nhớ những điều-kế của mấy tay vì nhân bị nhốt trong tù. Có có tám khăm trái nệm, mùng, mền, áo gối; với mấy món đó cô ra khỏi rọ.

Vi gấp rút, cô không thể ngồi lâu mà đánh dây như cách thường dùng. Cô xé vải ra từ mảnh dài nhằm thế không đứt nổi, cột đầu này với đầu kia. Xong, cô mới buộc một đầu dây vào song sắt; đầu kia thả thông xuống.

Tối quá cô không thấy dây tới đất hay không; song rất đời vui mừng, cô bỏ vào túi những đồ dùng của cô và cái chia-khóa vô dụng khi này. Đầu đó chắc-chắn gọn-ghe rồi cô mới leo ra cửa sổ tuộc theo sợi dây.

Ban đầu không có đều chi. Khi lần đến đoạn vải chót, cô dò hoài không đụng đất: tòn-ten giữa khoảng trống tối mò!

Cô rón nắm dây một tay, dặng thêm bề dài mà rờ đất thử coi. Hút mãi!

Rón hết nhân lực mà dòm xuống cho rõ mình tới lối nào, cô chỉ thấy cái bầu hắc-ám bao xung quanh mình, và cái vách tường xám sẫm.

Gần mặt đất hay còn ở giữa chừng?

Tay đã mỏi, đau lắm; cô rón tận nhơn-lực mà ngoai chực mỗi dây, không dám cho sút.

Lên không nổi; buồng không dám; đồng đưa hoai thì đau; có kinh-hải, loạn trí, thiếu đều muốn la khóc!

Lâu quá, không còn sức nắm niếu gì nữa, bàn tay nhức quá phải mở ra, làm cho cô gái té xuống! Ngộp lắm, cô Đàng chết điếng, đến chừng dưng

nhằm tàng cây và rơi xuống đất có mới hay, song phải nằm dài trong mấy phút mới thật tỉnh.

Cô không dè còn sống và khỏi gây căng, bề đầu. Đứng dậy dòm quanh, cô biết mình ở giữa lùm. Nhờ nhánh nhỏ của tàng cây sum-sê và lá khô bao mặt đất, nên cô mới vô hại.

Bây giờ cô nhẹ-nhàn khắp-khởi, lấy làm hạnh-phước mà thờ dặng cái thanh-khi trong vườn. Và lại, ra được chốn này như cá gặp nước, như chim về rừng, vì trước kia cô hằng dè chơn nghề-nghẽn khắp vườn, nên thao dũ nẻo.

Đêm tối lắm, cô nhớ mấy cây cao lớn có mới giống được hương ma đi lần đèn cái cửa nhỏ trơ ra lều của A-Lanh. Đến đó thì cô khỏi đi ngang chanh môn, và rất tiện cho cô lược dạm đến Vang. Cô sẽ yao nhà quan No-te của cha cô mà tỏ bày tự-sự. Cô lại con tinh xa nữa, là chàng muông chi dầy cô sẽ trợ về nợ-niếp với Đò-mâu và an-nhan của cô. Điều suy nghĩ ấy làm cho cô phấn-lực thêm lắm.

Rồi đây, trong vai ngay, sẽ bỏ dều khô-nào mà hưởng phước thanh nhàn...

Đương nghĩ van tình vợ, thoát nhiên nghe có tiếng động có giựt mình rón ớn, núp kê bên gốc cây to.

Bọn kia hay rằng cô trốn nèn theo bắt lại chăng?

Cô lóng tai. Tiếng ai đi càng xấp lại gần. Cô định phẫn dè dòm coi kẻ ấy đàn ông hay đàn bà. Tay chưa thấy chớ cô chắc rằng có một người đi thôi. Cách bước lại chậm-rãi kéo lết, tỏ rằng kẻ dạo đêm kia không có đũa gì gấp rút.

Giây lát, hình như người lạ ấy tức mình vì không tìm được vật gì. Có tiếng « hừ » và chắc tươi, nghe ra là giọng đàn ông.

Chắc Nê-Niệt!

Song, làm sao nó hay có trốn, dễ thường nó chẳng nê đến thăm chừng cô, lúc đêm hôm?

Cô lạng hơi, sợ vo cung; sợ chúng bắt lại thì đã bị nanu-phạt phạt-nê và uết trông ra khỏi ngục.

Người kia đi tới nữa. Gấu đen chó cô Đàng đứng núp tại quanu miuh đi tuốc về hướng khác. Có may người miuh tu cao lớn, giống như Nê-Niệt. Có rui tạp-cạp kui người đen đều phải bị ban tay tan-bạo của nó nam cơ kéo về tro, cẳng trong tù.

May biết bao miuh! Người đó không thấy cô; và ueng bước cung tục cung xa. Cô nhẹ bước cho khỏi ra động nanu kuuu, lau-mo ra đến cái cửa nhỏ, vì cô biết rang cửa ay kuông có chia khóa, ở phía trong mơ cuot thì ra được.

Ấy vậy cô Đàng ra dễ lắm. Bước ra ngoài rồi, cô khép cửa lại một cách êm-ái.



Một món ăn
vừa lành, dễ tiêu
và bổ là:
BÁNH SỮA
PETIT GRUYÈRE
NESTLÉ

Đi ngang nhà A-Lanh, cô dòm vô coi lão ấy làm gì. Thuở cô với cha còn ở tại đài, cô thường đến nhà A-Lanh mà nghe chuyện đời xưa. Lão thương cô, mà cô cũng ưa lão.

Trong nhà có chong đèn. Cô gái chằm-chằm bước lại dòm theo kẹt vách. Cách sắp đặt trong đó chẳng khác chi ba năm về trước. Dòm khắp nơi không thấy ông già, cô lấy làm lạ, bèn gõ cửa.

Không trả lời.

Chẳng ngại-ngùn, cô bèn vịn chốt xò cửa; ánh sáng ngọn đèn làm cho cô lòa mắt. Hết bị chóa rồi, cô kiếm A-Lanh. Lão đâu mất.

Cô tự bảo:

— Ông này chong đèn, tắt chẳng đi xa. Tội nghiệp, ông hiểu quanh một mình. Tình cờ mà gặp mình đây, chắc ông mừng lắm. và có lẽ cũng có ý-kiến hay dặng chỉ bảo cho mình.

Cô tăng-bằng và gọi nhỏ nhỏ.

Chờ hoài không thấy dạng, cô e lão A-Lanh đi vào đài kiếm Nê-Niệt. Lòng người hay dờ dỗi, biết đâu chừng lão nhận tiền của Mã-Lợi, đã ném gan trung nghĩa mà đồng tình ý với Nê-Niệt rồi đây?

Thoạt-tiên, đều suy-nghĩ ấy làm cho cô bất-bình.

Cô đã e-chê tán-khởi vì thế, vì người, tự-nhiên cô phải nghi ngại, dè phòng nhiều lắm; cho nên, rốt, cô tình không nèn gởi sanh-mạng cho A-Lanh.

Ừ, há chẳng phải Trời muốn độ cho cô tránh khỏi bầy giò, nên mới xui cho A-Lanh vắng mặt

giờ này, dễ thường trọn đêm lão ngủ thẳng ở g từ mặt trời lặn cho tới mặt trời mọc?

Nếu gặp lão mà được may-mãng; thì cô đã gặp lão nằm sẵn tại nhà.

Ấy vậy, cô lên đường. Trời hôm mát lạnh. Lộ khúc này trống trải, gió biển thổi dữ-dội.

Cô Đàng chỉ mặc có một cái áo dài mỏng từ lúc bị bắt đến giờ. Cái áo hương ấy đã cũ và bèo-nheo hết. Đầu trần, gió làm rối nùi cã tóc; áo chiếc, lạnh lẽo cả mình. Cô run. Thỉnh-thoảng phải dừng chơn dặng nghiêng đầu, tránh gió mạnh tạt ngay vào mặt.

Sóng đánh ầm-ầm bên gành dọc theo mé lộ, như bầm-he, như dọa-hầm khách dạ hành. Mất xốn-xang vì bụi cát bám vào, cổ khó-khốc vì hèn lâu nhịn nước, đến mấy dốc đường, cô thiếu đều té quỵ.

Song, nỗi lo chùng bắt, nỗi muốn lánh nạn, hai điều ấy làm cho cô đủ phấn-lực mà dong ruổi đường xa, cho đến sáng.

Mặt trời gần mọc, gió yếu lần-lần. Cô Đàng ngũnh lại dạm trường mà mừng. Cô tự-đắc vì khỏi cần ai cứu mà cô cũng có thể tháo lộng phá cuội.

Xí hựt! mấy thăng bắt lương!

Ừ, cô đã đến Vang, Nê-Niệt có giời thi chạy theo mà kiếm!

(Còn nữa)

Các bà nên nhớ hằng ngày

Ấy là một thứ thuốc bổ-huyết PHỤ-NỮ ĐIỀU-KINH của hiệu ĐỨC-TRỌNG ANNAM, chủ trị người đàn-bà con gái đường kinh nguyệt không điều, khi trời, khi sụt, máu huyết suy kém, sanh ra mỗi một yếu ớt vô-vàng, ăn không ngon, nằm không ngủ, nhưc mỗi trong châu-thân, bàn hoàn nơi cổ lòng, làm cho con người lười biếng chán nản cả mọi việc lại còn bạch-đái làm băng. Mỗi ve 1 \$ 00.

Thuốc bổ con nít: Chuyên trị bệnh của trẻ em còn trong tháng cho tới 5-6 tuổi. Mỗi gói 0\$10.

Thuốc ban: Trị các thứ trái ban. Mỗi gói 0\$10.

Thuốc ho: Trị các chứng ho. Mỗi gói 0\$10.

Nhà thuốc ĐỨC-TRỌNG ANNAM, số 353, đường Cây-Mai (gần đồn Cây-Mai) Cholon. Để bán tại Nguyễn-thị-Kính, Saigon; Nghĩa-Trọng, Cantho; Nguyễn-thành-Liên, Vinhlong; Nhà in Lý-công-uận, Soctrang; Hiệu Dược-Yên, Băclieu; Huyện Tri, Pnompenh; Minh-Nguyệt, Phanthiét (Annam).

Dr Trán-như-Lân

đã dời phòng coi bệnh lại đường d'Espagne số 117 (sau dinh quan Nguyễn-soái Namkỳ)

Ghê mắt

Những bệnh, như là huyết bình của phụ-nhơn, mới đau cùng là đau đã lâu, uống thuốc nhiều rồi mà không hết, đến tới trị cho, chắc được vui lòng. Trị đủ 72 chứng bệnh con mắt và 24 thứ trị.

Trọng-Hiệp

Maison NGŨ-HIỆP-THÀNH
Thủđạumột



Tác-giả :
PHAM-HUÂN-CHƯƠNG

HÒN MÁU BỎ RƠI

(Tiếp theo số 230)

Theo Cảnh-Du, thì cái tiếng khua động là mộng kiến phải không? — Mộng-kiến không, duy có một người biết. Người ấy đứng nép mình, phía ngoài phòng của thầy giáo, dựa cánh cửa sổ. Mấy tiếng ta-thán của thầy-giáo có lẽ cảm động người đó nên người đó kéo tay áo lau nước mắt. — Người ấy là ai? — Là ai, không thấy rõ, vì người đó đứng khuất trong bóng tối. Duy nhận cách ăn mặc, đoán được rằng người đó là đàn-bà. Người đó đứng ở đó lâu rồi. Cái tiếng động mà thầy giáo nghe nghe lầm, chính người đó làm ra. Nguyên người đó muốn trông Cảnh-Du tỏ rõ, chỉ hèm cái cửa sổ hở không đủ trông, người đó lấy tay hé thêm một chút. Chẳng dè hai cánh cửa đụng nhau làm cho thầy giáo giật mình. Người đó thấy thầy giáo ngồi dậy thì không dám thở mạnh, thân hình như con mèo rình chuột, càng nép sát vào xó tối.

Trong phòng Cảnh-Du thân-oán, ngoài phòng người đó suy-nghĩ: « Hoàng-lang ơi! Em mới biết cái tình là cái lụy, cái thương là cái đau. Em đã tình cảnh ngộ con Phụng đậu, ai hay cõi trần là cõi sanh li. Em... »

« ... Mà thôi, cái kiếp sống này, nguyện vì ai, là kiếp sống thừa. »

Ấy, ta biết người đó là ai rồi. Cách vách đàm tâm, cái khổ của Kim-Phụng không biết đến ngàn nào, khi nào cùng nhau gần gũi trong gang tấc?

Bây giờ cũng cùng trong gang tấc, nhưng đường cách nhau bằng một cái hồ thăm vực sâu không thể lấp. Kim-Phụng tức giận lắm. Có giận duyên, giận phận, giận cái số kiếp gì đây; rồi giận lấy cái thói tục mua vợ bán chồng. — « Cái ý nghĩa vợ chồng là gì? có thăm hỏi, lấy. Sao không cho người ta tâm đầu ý hiệp thì làm bạn với nhau? Cái tục khốn nạn! Gả là bán, cưới là mua, làm gàng trở biển bao nhiêu là cặp lứa đôi ngộ nghĩnh xứng duyên không được lấy nhau. Đến như trai anh tài, gái anh thư, mà được nên vợ nên chồng thì chỉ có ở trong mấy quyển tiểu-thuyết mà thôi. Có chăng cũng coi trong muôn cặp vợ chồng mới có một cặp. Còn thì già trẻ hôn hợp, nối méo vua tròn.

Hỏi bao giờ hoặc trai, hoặc gái, chọn vợ hay kén chồng, có chịu lựa đôi như vậy không? »

Cảnh-Du than thở phía trong:

— « Nhơ-tình ôi là nhơ-tình! Người ta thì mặt bạc chớ lòng son; chớ nó, mặt người lòng thú. Đi lại cũng một loài tâm thường. Ôi ta lầm! » Cảnh-Du thống trách rồi rên đau khan. Cái tiếng rên nó ngậm-ngậm đau đứt ruột làm cho Kim-Phụng bấn loạn. Có không còn chủ ý gì nữa. Có phải vô mà thôi. Vô nhào đại trong lòng Cảnh-Du. Bây giờ có sập trời cũng trời kệ!

Cánh cửa có tiếng vụn chốt. Cảnh-Du dòm lại. Thoảng thấy dạng cái áo dài. Thầy khấp khởi mừng. Người ấy bước vô. Cảnh-Du ngồi xồm dậy.

— « Thầy hai! » Người vừa bước vô gọi như vậy! ...! Cảnh-Du thờ dài.

— Thầy bữa nay khi bớt? Thầy còn đau những gì?

— Duy còn ỉnh như cũ rét: hết nóng rồi lạnh.

— Đầu, thầy nằm lại cho tôi tuần mạch thử coi.

Trong lúc hai người nói chuyện trong phòng, ngoài cửa nhà thương một người che mặt lầm lũi đi như bay, không dám ngoái lại. Người ấy như đại như ngáy. Người ta tưởng người ấy, nếu không phải vừa ra khỏi sòng mê, cũng đương lạc vào biển khổ!

X

NƯỚC LÀ NÊN HỒ, KHUẤY BỜ AI?

Đùng hai giờ rưỡi, hồi trống lệnh vừa dứt, trước sân trường, mới vừa nao nức ban này, bây giờ lặng lẽ, học trò lớp nào theo lớp này sắp hàng hai kéo vô lớp. Ngoài sân lặng-lặng, trái lại trong trường hoạt-động. Tuy không nghe ồn ào như lúc này ngoài sân, chớ cái sức hoạt động mạnh mẽ dị thường, hoạt động như cái máy mà lại là cái máy xây chuyển vô tru vậy; ấy là sức hoạt động của thần trí.

Đầu này tiếng hân chấn của thầy vừa dứt thì tiếng thánh thót trả bài của học trò tiếp lên, đầu

PMU NU TAN VAN

kia tiếng thước nhịp xuống bàn lần với tiếng phấn chọi trên bảng đen. Ai là kẻ biết yêu cái tiền đồ của giống nòi, quốc-gia, qua đó mà không tâm-niệm: « À, đây là cái rún của cái tánh nhơn-loại, đây là cái lò, chỗ thanh-niên tự-tạo, đây là chỗ phát ra ánh sáng của vô-trụ, đây là chỗ nhơn loại vượt vòng cầm thú, đây là linh hồn của nước nhà, đây là mẹ đẻ ra những bậc hiền-nhơn danh-thế; đây là trường học vậy. Trường học có quả là chốn đáng tôn kính không? »

Thế mà coi kia! Một người hăm-hăm giận dữ, bước bước một, thề thốt lăm-nhảm miệng, vung lia múa-men tay, không có chút tôn-kính gì ráo. Người ấy dặt tay một cậu bé. Cậu bé lăn-căn chạy theo, vừa chạy vừa làm tuồng như khóc. Người tuy cứ chỉ thố-ngộ, song ăn mặc có vẻ sang, có tuổi đáng kính mà không đáng kính; vì người ấy không tự kính lấy mình trước. Người ấy đi thẳng vô phòng quan Đốc-học. — Người ấy là ai? Đi đâu?

Cái bộ tịch người ấy làm cho thiên hạ lấy làm sự lạ. Một người chạy theo coi, hai người, ba, năm bảy, ... lần lần tụ đông trước cửa trường. Người ta chào-rào, ngóng ngó, coi như coi một con thú lạ, coi một đám nhơn mạng. Thiên hạ càng bu lại, tên coi cửa trường càng lên mặt: múa tay múa chân, la đầu này, rầy đầu kia, cũng là một dịp làm cho thiên hạ biết oai anh gác cửa.

— « Mấy bà con coi gì đó? » Các cô có ai hỏi vậy coi họ trả lời sao, thì họ ngơ ngáo cả lũ. Họ dốt mà họ có chịu dốt đâu. Họ làm tuồng lịch-sự lắm. Họ nói nói bàn bàn. Trong đám may có người ứng thanh nói:

— Con quan lớn mình bị nó đánh chỉ tử, nên quan lớn mình đi thưa.

Hết thầy đều quay lại nhìn người nói đó. Người này là chú bếp của ông Quận.

Một người trong đám hỏi:

— Quan lớn nào vậy anh?

Chú bếp vinh vinh mặt, có ý không muốn trả lời. Có người biết chuyện, tung chú lên:

— Bẩm thầy, quan lớn nào?

Bếp ta cười và nói:

— Anh này quê! Nội chợ đây ai là quan-lớn? Quan lớn Đốc-phủ, biết chưa?

Thiên hạ hít hà rùm, làm tuồng nhí-nha nhí-nhờm.

— Bẩm, cậu nào bị đánh?

— Cậu út Trần.

— Khổ chưa! Nhè cục cưng của quan-lớn mà động. Ai gan trời dữ vậy. Bộ thầy nào đó tới số rồi da!

— Cái gì tới số. Cái thứ đánh học trò bất quá thì bị quở, bị đoi, chớ án mạng gì đó sao.

Đó là những lời của mấy người đứng đó mà bình phẩm với nhau.

Chú bếp nổi nóng cãi lại:

— Anh tưởng lơ lơ hã. Quan lớn, nói cho anh biết!

“Hóa-Đàm Linh-Đơn”

HOA bài điều dưỡng linh đơn.

ĐÀM tiêu hóa giáng phòng cơn nguy hiểm.

LINH hoàn thi nghiệm hiền nhiên.

ĐƠN sa khôn vì một Viên Hóa-Đàm.

Đau gan đau ruột lâu năm,

Nợ hơi sinh bụng ăn nằm khó tiêu,

Bón uất tiểu đại bất điều,

Uống thử ít liều ít sẽ thấy hay.

Mặt vô-vàng da bụng dày,

Cam tích bịnh hậu thuốc này trị yên,

Sản trùng khuấy khuấy làm phiền,

Thuốc này trực xuất nó liền phải ra,

Khuyến người đầu đó gần xa,

Không tin uống thử, ít là sẽ hay.

Gửi thơ mua đề cho M. NGUYỄN-NGỌC-RANG
DROGUISTE

Rue Giacomy — BENTRE

Nhà đại-lý: Mme NGUYỄN-THỊ-KÍNH

30, Rue R. Garros — SAIGON

Alphonse ĐỒNG, góc chợ Bến-thành

và có bán khắp cùng Đông Pháp

Giá một gói 0\$35

THÊU MÁY

Lãnh dạy thêu máy theo kiểu Tây và Tàu
Thêu chỉ laine bằng tay và máy

Xin mời qui cô quý bà đến xem, đôn trường
có kiểu sẵn

BRODERIE FRANCO-CHINOISE

78 Avenue Jaccaréo, 78 — CHOLON

Ngang trại linh-tập, gần cửa lớn Xả-tây — Cholon

PHU NU TAN VAN

— Thầy nào mà gan cùng mình vậy há?
 Cậu bếp nói lên nữa:
 — Ta nói thầy nhứt, hỏi nháy thì thôi.
 — Thầy nào có tên chớ. Trường này có nhiều thầy nhứt mà.
 Đồi ba người chòm chim. Chủ bếp muốn gáy:
 — Đã nói thầy nhứt là thầy nhứt còn hỏi. Thầy của cậu Trần biết chưa?
 — Kia, kia! Thầy đó. Thôi, thầy đó rồi, phải rồi!
 Tự nãy giờ kể bèn thầy này, người luận thầy kia. Bây giờ họ thấy Cánh-Du lấp ló trong phòng quan Đốc-học, thì dường như vừa ý họ lắm, rồi họ không nhón nhào nữa, và dường như họ yên trí rằng cậu Trần bị đánh là phải lắm.
 — Thằng thầy đó đánh thấu trời lặn.
 — Ai nói đó? Bộ nó ông Hạng sao nó muốn đánh ai thì đánh. Chuyện này cho nó biết lớn.
 — Bận này « giáo » phải là.
 — Tà là may, sợ gãy lưỡi còn cần mà phải ăn cam.
 Ngoài đường một tấn tuồng, trong phòng quan Đốc-học một tấn tuồng.
 Quan Phủ ngồi ngang ghế quan Đốc-học để nghe

thầy giáo đứng nói chuyện. Cánh-Du thuật chuyện trò Trần lại:
 — « Trần, trả bài của trò! » tôi bảo như vậy.
 Trần đứng trân.
 — Hà, biên cho trò Trần 200 lần: « Tôi không học bài. »
 Bữa sau trò Hà thưa:
 -- Bầm thầy trò Trần không chép bài phạt.
 — Sao mà không chép bài phạt?
 Trần làm thính.
 — Trưa này ở lại nghe không?
 Trò Trần cứ việc về.

 — Bầm thầy, thằng Trần đâm tôi!
 — Tao đánh chết cha mày!
 Trò Trần buồng cây viết cầm dặng đâm một trò ngồi gần, xong rồi nó lại nắm đầu trò này « ông ông » thối loạn dã; ấy là việc hồi sớm mai vậy.
 — Trần, mày buồng người ta ra không!
 — Tôi đánh nó chết rồi tôi chịu ở tù!
 -- Trời ơi, chết tôi!
 — Buồng ra Trần.

(Còn nữa)

Đồ Trang Điểm hiệu
"TOKALON"
 Cả toàn cầu đều nhận là tốt nhứt

Non grasse
 Không có mỡ
 Légèrement grasse
 Ít mỡ
 Grasse
 Có mỡ

Crème Sáp **TOKALON**
 Poudre Phấn **TOKALON**
 Savon Xà-bông **TOKALON**
 Parfums Dầu thơm **TOKALON**

Đại-lý Độc-quyền trong Nam-kỳ và Cao-miền
Maison G. RIETMANN
 76 Rue Mac-Mahon, 76 - SAIGON
 Các nhà buôn lớn ở khắp nơi đều có trữ bán.

Syphilis, blennorrhagie
 Maladies de femmes
 Maladies de peau

DR. TRẦN-TÂN-PHÁT
 Ancien externe des Hôpitaux de Paris
 Ancien assistant des dispensaires anti-blennorrhagiques de la L. P. S. à Paris
 Médecin du dispensaire antivenérien de la Région Saigon-Cholon
 Chuyên trị các chứng bệnh, nhứt là bệnh phong tinh và các chứng bệnh của đàn-bà.
 Giờ coi mạch: Sáng mắt từ 10 tới 12
 Chiều từ 2 tới 6 giờ.
PHÒNG KHÁM BỆNH:
 Số 12 đường Colombert (trước cửa đình Toàn-quyền).

NHÀ THUỐC ĐÀU-RỒNG TUYÊN-BỐ

Nhà thuốc ĐÀU RỒNG quăng-cáo Đồng-bào, vì trong địa-phần Nam-kỳ, từ ngày nay lại sau, mấy hạt về tiền-giang giao cho hiệu NGUYỄN-THỊ-KÍNH ở Saigon thay mặt cho bản-hiệu. Các món thuốc ĐÀU RỒNG, được đồng-bào hoan-nghinh thặng trọng là bởi ông HỒ-MINH-KHAI bảo chế không món nào trăm trệ, nhờ vậy mà được lưu hóa trên đường thương-nghiệp với ngoại bang, nên bản hiệu lo cho nhiều vị toán-chủ muốn dùng thuốc của bản-hiệu khỏi sự trề nài mà phải thất vọng, bởi vậy miệc tiền-giang mua sỉ và lẻ hoặc muốn trữ bán trong hạt, xin do nơi hiệu NGUYỄN-THỊ-KÍNH Saigon, giá cả cũng y như của bản-hiệu bấy lâu vậy. Luôn dịp bản-hiệu xin kể mấy món thuốc có công lớn với xã-hội thuở nay chủ trị về khoa Phụ-nữ và nhi-dồng rất đại tài.

Số 4. — ĐẠI BỒ NHỨT ĐIỀM CHON DƯƠNG HOÀN

Ông Hồ-minh-Khai, luận một hoàn thuốc Đại-bồ này rất thấu đáo tinh-thần, cứu về bệnh hư lao và bực lớn tuổi, cùng người thọ khí bầm chạp mẹ không dặng mạnh mẽ, hoặc tư-trởng quá lễ mà phải hư lao trong não, phòng dục quá độ mà bị tổn thận, bị đi nhiều nên tổn canng, bị gỏi nhiều phải tổn phế và lo nhiều quá phải tổn tâm. Nên hoàn thuốc này có các vị thuốc cao-lương ôn bổ tành chất điều-hòa, nếu vừa gặp mấy chứng bệnh như đã nói trên đây, thì mau dùng hoàn

Đại-bồ này, vì nó có các vị thuốc chỉ nam ở miền Bắc! hạp với thuốc tổ - châu, nên được lực mạnh vô cùng, uống một hoàn thì thấy công hiệu.

Mỗi hộp 8 hoàn giá 2 \$ 00.

Số 10. BẢO SANG HOÀN

Thuốc trị đàn-bà dễ uống cho ấm huyết nhiều sữa, tử-cung thổi thúc, bụng không lớn, tóc không rụng, nước da không mết, bổ-huyết và trị các chứng sãng hậu rất thần hiệu.

Mỗi hộp 8 hoàn giá 1 \$ 00

Số 7. — SONG TIỀN - HOÀN

Thuốc bổ con nít hoặc thọ khí huyết chạp mẹ sở sanh, tiền thiên bất túc hậu thiên hư tổn

ngủ đồ mờ hơi đầu, cam tích, bụng lớn nổi gân xanh đau ban không dứt, ăn ngũ không được ốm gầy, hoàn thuốc Đại bồ cho con nít này rất công hiệu xưa nay. Mỗi hộp giá 0 \$ 50.

Số 13. — TRUC TICH TIÊU ĐÀM HOÀN

Thuốc tiêu môn và xô trừ các chứng tích tụ trong mình, uống rồi khỏi uống thuốc bổ trở lại, ông lương-y, Hồ-minh-Khai phân đã có chứng rồi, uống vào đi tiêu lần đầu là phần, rồi lần sau ra hết các thứ độc, chớ k ô g phải đi tiêu lu bù như các thuốc khác. Mọi bao giá 0 \$ 25.

Các nhà Đại-lý của bản hiệu sau đây:

GOCONG, M. Lê-thành-Nghiêm
 CAIBE, M. Lê-vân-Mãng
 VINHLONG, M. Nguyễn-thành-Liêu
 SADEC, Cô Nguyễn-thị-Linh
 CANTHO, M. Võ-vân-Nhiều
 CANTHO, M. Thành-Phát
 LONGXUYEN, Cô Đông-thị-Đôi
 BENTRE, M. Nhân-vân-Áp
 MOCAY, M. Ngô-vân-Thọ
 TRAVINH, M. Phạm-ngọc-Cần
 SOCTRANG, M. Trịnh-kim-Thịnh
 PHUNGHIỆP, M. Lương-huỳnh-Đệ
 TRAON, Hạnh-xuân-Viên
 NGANAM, M. Lâm-lân-Hưng
 PNOMPENH, Bazar Trường-Xuân
 25-26-27-28 Quai Piquet
 CÀNGIỐC, M. Lê-thành-Lợi
 BACLIEU, M. Lê-ngọc-Thành

CHAUDOC, Hoa-Sanh Bazar
 TANAN, M. Nguyễn-hữu-Dur
 KYSON, Tiêm hàng xén bầy Càn
 BENLUC, Tiêm thầy giáo Nghi
 DUCHOA, M. Lai-van-Thường
 CHOLON, M. Phạm-vân-Thịnh
 SAIGON, Nguyễn-thị-Kính
 DAKAO, M. Huỳnh-hữu-Cao
 GIADINH, Nguyễn-vân-Điền chợ Bachiêu
 THUDAUMOT, M. Phạm-vân-Sửu
 BIENHOA, M. Dương-lân-Thần
 LONGTHANH, xin hỏi M. Phan-Sanh nhà thơ
 BARIA, M. Lưu-xiêu-Linh
 CAP SAINT JACQUES, Tiêm Bazar có Trần-thị-Huân
 LOCNINH, Mme Cầu, hiệu Phụng-Hoàng
 RACHGIA, M. Nguyễn-ngọc-Thái
 CAMAU, M. Phạm-vân-Dương
 KOMPONGCHAM, M. Lê-van-Thông

IMP. J. NG-VAN-VIÉT & FILS.

Le Gérant: NGUYEN-DUC-NHUA

DÉPÔT LÉGAL.
 tirage 2500 ex
 Saigon le 4. June 1924

PHU-NU-TAN-VAN
 SAIGON